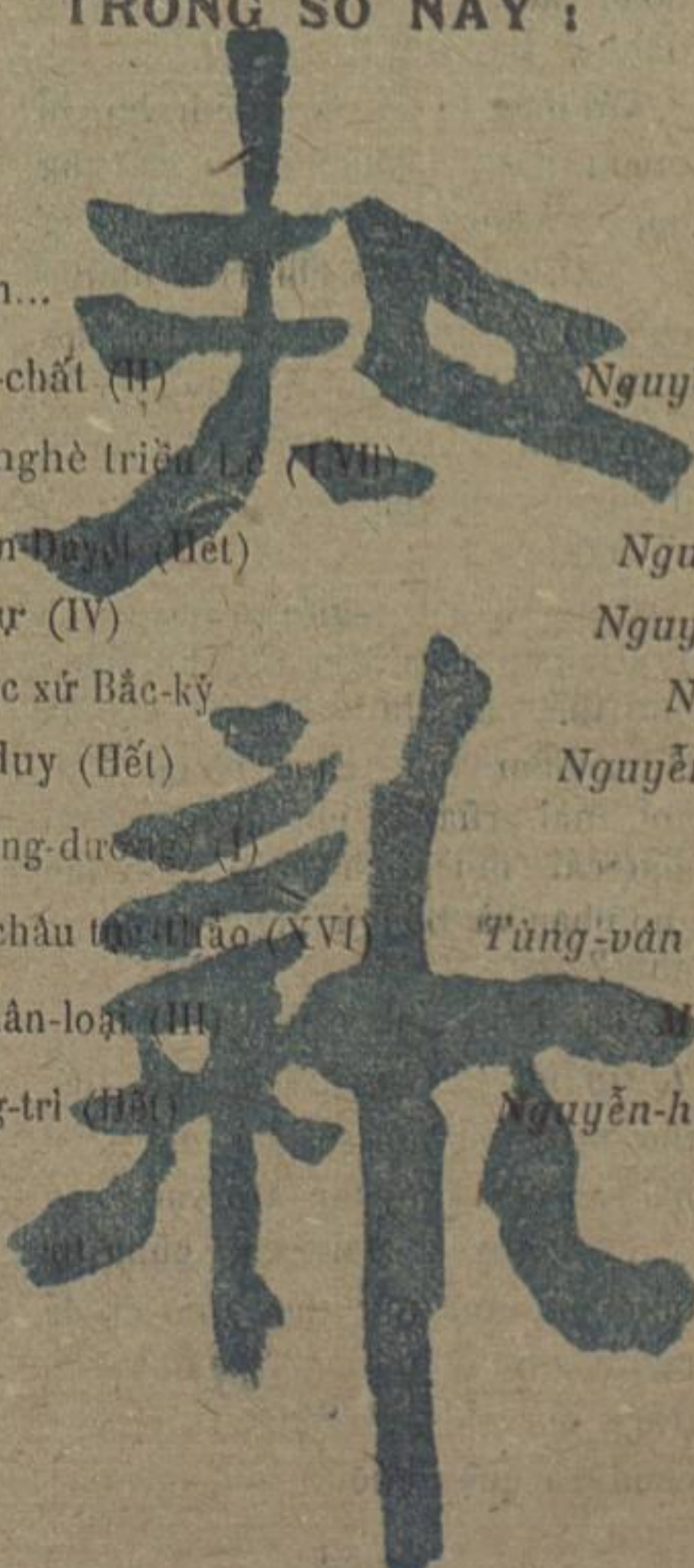


TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chancéaulme, Hà-nội,

TRONG SỔ NÀY :

- 
- | | |
|----------------------------------|--------------------------|
| * Đức khiêm-tốn... | <i>Hoa-Bằng</i> |
| * Văn-hóa vật-chất (II) | <i>Nguyễn-Văn-Tổ</i> |
| * Những ông nghề triều Lê (IVII) | <i>Ứng-Hòa</i> |
| * Tả-quân Lê-văn-Duyệt (Hết) | <i>Nguyễn Triệu</i> |
| * Đại-Nam dật-sự (IV) | <i>Nguyễn-văn-Tổ</i> |
| * Nền hương-học xứ Bắc-kỳ | <i>Nhật-Nham</i> |
| * Luận về tư-duy (Hết) | <i>Nguyễn-dình-Thi</i> |
| * Indrapura (Đồng-dương) (I) | <i>Dương-Kỵ</i> |
| * Nam-dân bát châu từ thảo (XVI) | <i>Tùng-vân đạo-nhân</i> |
| * Tạo-hóa và nhân-loại (III) | <i>Minh-Tuyền</i> |
| * Đêm hội Long-trị (Hết) | <i>Nguyễn-huy-Tướng</i> |

Đức khiêm-tôn cần phải có trong đám nhà văn ta

HOA-BẮNG



Dức khiêm-tôn là một phương thuốc để ta dịu bớt những hiểu-thắng, phụ khí và tự-ái quá lố. Ai có khiêm-tôn thì mới tĩnh trí, bình tâm, biết nghe lời phải, phục điều thiện.

Đồng-phương có câu : « *Dĩ học, dĩ năng* ».

Phải, mệnh mông bề học, biết đâu là bến-bờ, người ta càng học lại càng thấy mình còn dốt. Có biết dốt thì mới cố gắng mà tiến lên được. Cho nên, ở đời, dầu đến những bậc đại thánh, đại triết, đại hiền, cũng không ai dám tự phụ là mình đã biết giỏi mười mươi, thật biết được hết mọi sự, mọi điều, mọi mặt.

Thánh như Khổng-tử, thế mà ngài còn không dám tự mãn tự lực, lúc nào cũng canh-cánh trong lòng, chỉ muốn học thêm, chẳng thế ngài đã phải nói : « *Giá ngã sở hiên tốt dĩ học Dịch* » (Giá cho ta sống thêm vài năm nữa, thì thế nào cũng học cho trọn kinh Dịch).

Ông Isaac Newton (1642-1727), một nhà học-giả nổi tiếng, chắc các bạn không còn lạ đối với con người thông tuệ ấy, thế mà khi sắp mất, ông có nói câu này rất đáng cảm phục : « *Học vẫn như biển khơi. Những cái tôi sở đắc mới chỉ là hòn sỏi, mảnh cuội ở bờ biển; kỳ-dur còn phải mong đợi ở các hiền-giả sau này.* »

Thế đủ biết thánh hiền đồng tày ai cũng phải nhún vai lộ lười trước cái man-mác vô-cùng của biển học, chứ không ai dám vỗ ngực mà nổi bằng giọng tự-hào : « *Ta đã giỏi đây! Ta đã thành đây!* »

Tự-phụ là giỏi, là thánh, họa

chẳng chỉ có hạng ngời nông-nổi, hẹp-hòi, không biết gì mấy...

Một khi họ đã viết được câu văn, làm được câu thơ, mặc dầu văn ấy, thơ ấy không có giá-trị gì ở trước cặp mắt thức-giả, nhưng theo ý họ, họ đã là những bậc « *văn hào* », « *thi bá* » hoặc « *thánh con* » cả rồi. Đối với họ, trời đất là nhỏ, vũ-trụ là hẹp, mọi người xung-quanh là đồ bỏ đi, không còn một ai đáng đếm xỉa nữa.

Nhất là, khi nào họ đã tự mạng là chiếm được một chỗ ngồi trên chiếc chiếu van, thì lòng kiêu-càng của họ lại càng lên tới tột bậc : Đây là một nhân-vật bất-hủ trên hoàn-cầu ! Đây là một cứu-tinh của dân-tộc Đại-Việt !

Với lòng tự ái cực điểm, họ chỉ muốn người khác phải ca-tụng họ, phải khen-tặng họ, chứ không ai « *được phép* » chỉ-trích những chỗ hỏng, chỗ sai của họ mà « *quần đả* » ! Nếu quả vậy, họ là « *học phiệt* », họ là hạng độc-quyền dư-luận, chuyên-chế tự-tướng ở xứ này !

Trong văn-học-giới ta nay, nếu ai ai cũng chực làm « *học phiệt* » như thế cả, thì sao còn gọi là khiêm-diêm lẫn cho nhau, cắt, gọt, mài, rửa lẫn cho nhau để đi đến cái mục-dịch giúp ích lẫn cho nhau và bỏ tức-lẫn cho nhau nữa ?

Vua Trần Anh-Tông sai đốt tập *Thủy văn tùy bút* (1) của ngài, nên thơ ngài chỉ còn sót lại một vài bài sau cơn khói tan, tạo vạc.

Cụ Nguyễn Mai-Son cũng tự mình đốt một mớ thơ mà cụ đã ngâm vịnh ở những lúc hoa nở, trăng lên, song đào thêm hương, chén trà quên khói...

Tại sao các cụ nhà ta có những hành vi ấy ? Có lẽ các cụ cho rằng sự-nghiệp vĩ-dại của đời người không phải ở như mấy câu thơ quèn, mấy gông tiêu xảo ? Hoặc giả các cụ lại nghĩ những bài thơ ấy hãy còn non nớt, tầm thường, không có gì đáng « *vấn* » thế chẳng ? Dầu sao mặc lòng, đó cũng là một tấm gương sáng, một bài học hay về đức khiêm-tôn !

Một nhà học-giả kia có nói chuyện với tôi rằng, trải 20 năm, đã từng cầm bút phê-bình trên mặt nhiều tờ báo tây. Có làm tác-giả người Pháp bị bắt-bẻ chỉ-trích về mặt văn-học hoặc sử-học, ban đầu họ tuy cũng khó chịu, nhưng rồi họ thấy mình do lòng thành-thực mà nói, họ cũng phục : thiện, vẫn đến chơi trò-chuyện, vẫn niềm-nở tay bắt mặt mừng.

Tôi cười, đáp :

— Đó vì người ta không lẫn cá-nhân với học-thuật. Học-thuật là học-thuật ; cá-nhân là cá-nhân. Ta cần phải nhận rành ở chỗ ấy.

Như vậy, lại cần phải có đức khiêm-tôn thì mới bình-tĩnh trong lòng mà nhận rành được.

Tác-giả cuốn *Khoa học danh từ* có nói ở chỗ lời đầu sách đó rằng mình chỉ là một kẻ nhũn trong đám người mù, một kẻ điếc trong đám người điếc...

Phải lắm, chúng ta có thành-thực khiêm-tôn như vậy thì mới chịu ráng sức mà tiến-tới lên, rồi tương tư tương trợ lẫn nhau, một ngày kia chúng ta mới có hi-vọng sáng mắt thông tai được.

Phải chăng, hơn lúc nào hết, lúc này ta cần phải có cái đức khiêm-tôn để tiến-thủ từng tấc từng gang ?

H. B.

(1) Khâm định Việt sử, quyển 9 tờ 16 a.

VĂN HÓA

Số 2

VẬT-CHÂT

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

GIỐNG người chim-chích (pygmées, pygmoïdes) chỉ có một thứ khí-giới là cái cung, bạng rất nhỏ. Ở Phi-châu thì cánh cung bằng gỗ tròn; ở Á-châu thì nửa trong tròn, mặt ngoài phẳng; cũng như cung ở Nouvelle-Guinée. Ở Phi-châu lấy nguyên miếng da cây làm dây cung; ở Á-châu đã biết làm bằng sợi cây, như người Mélanésien và người Nam-Mỹ. Chỗ buộc dây cung cũng làm ra hai lối: một lối vót nhỏ hai đầu cánh cung, một lối tiện một đường lõm xuống ở hai đầu, tức là chỗ buộc dây. Ở Phi-châu có khi lại buộc ngoặt đi ngoặt lại như lối tết nút.

Người chim-chích Andamans có một thứ cung như hình chữ S nằm; họ bắn rất tài, cho nên dùng cung này bắn rùa bề thường trúng vào mắt.

Mũi tên của người Bochimans thì cắm lông vào chuôi tên; bẽ trúng thì mũi tên cắm chặt vào giống vật, vì có hai đoạn: một đoạn là mũi tên, một đoạn là chuôi tên; bẽ mũi tên cắm vào con vật, tất-nhiên con vật chạy, có khi vướng phải cây, thì mũi tên rơi xuống, con vật thoát; đặng này người chim-chích cắm lông, cho nên chỉ rơi cái chuôi, còn mũi vẫn cắm chặt vào mình con vật.

Người chim-chích ở Phi-châu có hai thứ mũi tên: một thứ làm bằng gỗ vót nhọn, một thứ có chuôi gỗ cắm vào mũi sắt. Lại có một lối cắm lông hay cắm lá ở đặng sau mũi tên để bắn được xa: về lối cắm lá, thì ở chuôi tên có hai khe, mỗi bên cắm một vài cái lá, thành ra cái tên có cánh. Ở Á-châu, người Andamans không dùng tên có cánh; chỉ có người Semang và người Aeta biết dùng

mà thôi. Trừ Nouvelles Hébrides, còn các dân ở Papouasie cũng không biết lối cắm cánh. Sách Tàu có chép thứ tên có cánh, nhưng không rõ có từ bao giờ.

Các nhà khảo-cứu về nhân-chúng cho cung với tên là văn-hóa đầu tiên của người chim-chích. Nhưng có người mới tìm thấy một dân chim-chích ở Ituri chỉ biết dùng dáo, không biết dùng cung, dùng tên mà không bao giờ dùng mộc.

Những người dân thật chim-chích không dùng đến đá, chỉ dùng gỗ, dùng xương và vỏ hàu vỏ hến. Thế là văn-hóa đầu tiên của loài người hàu như chưa biết dùng đá. Đến bọn dân gần giống chim-chích (pygmoïdes) mới biết dùng đá, thí dụ như dân Bochimans (G. Montandon, *L'ologénèse culturelle*, trang 54-55).

Chữ Bochimans là tên của người Hòa-lan đặt ra (Bosjesmans), nghĩa là người rừng, thường dùng để gọi những người Hottentot, người San, người Nama. Người San và người Nama cũng thuộc về giống Bochimans, có tục cắt đốt ngón tay khi có tang. Người Bochimans thì đi săn, người Hottentot thì biết chăn nuôi, nhưng cũng lang-thang từ đồng nọ sang đồng kia. Người Hottentot không cắt đốt ngón tay, chỉ có lối cắt da qui-đầu (J. Deniker, *Les peuples et les races de la terre*, trang 583-585).

Ngày xưa người Bochimans ở trên bờ Đại-tây-duong, không có thuyền bè gì cả. Ngày nay chỉ có người chim-chích Andaman là có thuyền độc-mộc để đi từ đảo nọ sang đảo kia.

Bọn chim-chích lấy một vợ một chồng, quyền lợi ngang nhau, có thể bỏ nhau được, nhưng khi đã

có con rồi thì không li-dị nữa. Họ kết-hôn ở ngoài thị-tộc, nghĩa là phải lấy vợ ở ngoài đoàn-thể của mình. Đoàn-thể ở đây là địa-pơ-trung (cùng xóm bay cùng làng), giai-cấp (cùng một thứ-bực), thị-tộc (cùng một dòng họ), môn-phật (cùng một nghề-nghiệp). Trái với lối đồng-tộc kết-hôn, nghĩa là phải lấy vợ trong đoàn-thể của mình. Đã hay rằng lúc văn-hóa chưa mở-mang, tất còn hỗn-độn, chưa phân biệt được; nhưng về việc kết-hôn, có nhiều thuyết, nói ra đây không tiện.

Người chim-chích biết quyền sở-hữu, đại-đề không ăn cắp lẫn của nhau, không tụ họp thành hội, thành đoàn.

Phần nhiều không vẽ mình, không cắt một bộ-phận nào ở trong thân-thể, trừ dân Bochimans nói trên kia, và dân Negritos ở Phi-luật-tân: bọn này hay vẽ răng cho nhọn, nhưng có lẽ đó là bắt-chước dân khác.

Người chết thì chôn xuống đất, không hỏa táng. Hình như người chim-chích tin có một vị tối cao, tức như ta gọi là thượng-đế, vì thấy họ cúng bái những vật họ đi săn được. Về việc thờ cúng tổ-tiên và tin theo ma-thuật thì không có mấy.

Không có âm-nhạc. Dân Andaman lấy ván mỏng đóng bình như cái hộp, mặt trên phẳng, mặt dưới khum lên, hai bên tì on-thon, một người lấy chân dẫm lên một đầu cái hộp ấy cho nó cấp kênh thành nhịp, rồi mấy người nữa theo nhịp mà múa.

Người chim-chích không có mỹ-thuật, trừ bọn Bochimans có vẽ ở thành hang đá; những lối vẽ ấy có thể so với lối vẽ về thời cổ thạch-khí (paléolithique).

(Còn nữa)

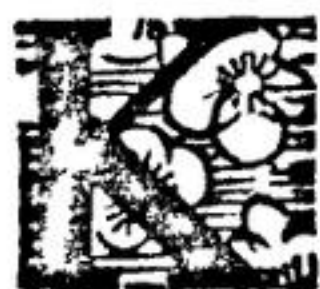
Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU - LÊ

Số 57

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ



KHOA giáp-thìn (1484) nam Hồng - đức thứ 15, đời vua Lê Thánh - tông (1460 — 1497) bia ông đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ :

1. — Nguyễn-quang-Bật, người xã Bình - nhò, huyện Gia - định (nay Gia - bình), phủ Thuận - an, trấn Kinh - bắc (nay Bắc - ninh). Nam 27 tuổi, đỗ trạng - nguyên, được tuyển vào Đông - các. Bật đầu bổ chức Hàn - lâm thị - thư, được dự vào Tao - đàn nhị-thập-bát tú. Nam giáp-tý (1504) đang làm dò-ngự-sử, cùng với thượng-thư bộ Lễ là Đàm-văn-Lễ, nhận tờ di-chiếu đề lập Túc - tông, là con thứ ba vua Hiến-tông. Nguyên khi Hiến-tông (1497 — 1504) bị bệnh, Kinh-phi là mẹ nuôi Uy-mục (tức con thứ hai Hiến-tông) sợ đại-thần không theo, mới đem vàng ngầm cho Đàm-văn-Lễ : Lễ không nhận. Đến khi Hiến - tông mất, Đàm-văn-Lễ và Nguyễn - quang - Bật nhận tờ di - chiếu, giúp Túc-tông nối ngôi. Lúc ấy các tước vương tranh nhau làm vua : Đàm-văn-Lễ sợ sinh biến, mới vào thăm-điện, lấy quốc-bảo (ấn vua) đem về nhà, rồi cùng các đại-thần tôn lập Túc - tông. Uy - mục rất lấy làm căm - giận. Nhưng vì Túc-tông làm vua không được một năm (1504) cho nên Uy-mục lại được làm vua. Vừa được bốn tháng (năm 1505) nghe lời Khương Sung và Nguyễn-nhữ-Vi bày mưu dấy Nguyễn-quang-Bật

và Đàm-văn-Lễ làm thừa-chánh-sứ Quảng-nam (hoặc thừa-tuyên-sứ) ; Khi đến sông Chân-phước, ở huyện Chân-lộc, tỉnh Nghệ-an, sai người theo, bắt ức tự-tận. Triều-thần cho hai ông ấy chết không đáng tội, phần nhiều trách Uy-mục để Uy-mục dồ lỗi cho Nhữ - Vi, rồi giết luôn Nhữ Vi. Sau đến Tương-dực-đế (1509 — 1516) thương ông Nguyễn-quang - Bật và Đàm-văn-Lễ chết oan, truy phong và tể điệu, đề nêu lòng trung. *Đăng khoa bị khảo* chép ông thọ 48 tuổi ; tính ngược lại năm đỗ là năm 1484, thì ông làm quan được 21 năm, vậy thì ông đỗ vào năm 27 tuổi, chứ không phải năm 21, như chép trong *Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 29 b, *Toàn-Việt thi lục*, sách viết của Bắc-cổ, số A 1202, quyền 14, tờ 19 b, và *Định-nguyên phát-lục*, sách viết của Bắc-cổ, số A 1205, tờ 14 b. Ông có chín bài thơ, cận-thể bằng chữ Hán còn sao trong *Toàn-Việt thi-lục* đề là : Trăm giống thóc được mùa, Đạo làm vua, Tiết làm tôi, Pháp-cung cảm-tình thành thơ, Xa nhớ người anh hiền, Diêm lạ (Kỳ-khí), Thư thảo vừa xong làm thơ chơi, Văn-nhân, Hoa mai ; chín bài này đều là phụng họa theo vần của vua Lê Thánh tông.

Ông là tổ xa (viễn-tổ). Nguyễn-lượng-Thái đỗ trạng-nguyên năm 1553, Trùng-Quang đỗ đồng-tiến-sĩ năm 1535 và Viêt-Cử đỗ nhị-giáp tiến-sĩ năm 1648 (chép theo

Đăng khoa bị khảo, quyền Kinh-bắc, tờ 111 a, *Đại-Nam nhất thống chí*, quyền Bắc-ninh, sách viết của Trương Bắc-cổ, số A 69, tờ 33 a, và *Khâm-định-Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyền 25, tờ 20 a-b).

2. — Nguyễn-Giác, người xã Thăng-lâm, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Năm 30 tuổi đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ nhị danh (bảng-nhơn) khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Hình-bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 29 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyền Sơn-nam, tờ 34 b)

3. — Mai-duy-Tinh, người xã Tây-mỗ, huyện Nga-sơn, phủ Hà-trung, trấn Thanh-hóa. Năm 22 tuổi, đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ tam danh (thám-hoa) khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến lại-bộ hữu-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, quyền Thanh-hóa, tờ 38 a-b, *Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 29 b)

16 ông đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân :

1. — Ngô-văn-Phòng, người xã Phù-vệ, huyện Đường-hào, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Làm quan đến thị-lang. Là cha Mậu-Đôn đỗ năm 1523, ông nội Mậu-Du đỗ năm 1565, cao-tổ Văn-Chính đỗ năm 1637 *Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 29 b, 9-2, tờ 18 b, 48 a, 9-3, tờ 11 a ; *Đăng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 2 b).

2. — Nguyễn-hẩn-Đinh, người xã Cồ-quán, huyện/Thần-kê, phủ Tiên-hung, trấn Sơn-nam. Đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Mùa đông năm kỷ-dậu 1489, sung chức phó-sứ sang cống bên Tàu. Làm quan đến lộ bộ thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, quyền Sơn-nam, tờ 92 b; *Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 30 a).

3 — Đào-như-Khuê, người xã Tri nhĩ, huyện Quế-duong, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhĩ giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến hiền-sát-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh bắc, tờ 12 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 a).

4. — Dương-bang Bản, người xã An-cử, huyện Thanh liêm, phủ Lý-nhân, trấn Sơn-nam. Năm 33 tuổi đỗ nhĩ giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Được vua Lê-Thánh-tông cho quốc-tính, đổi tên là Tung (Lê Tung). Mùa xuân năm quĩ-sửu (1493), sung chức phó-sứ sang nhà Minh mừng lập thế-tử. Đầu đời Cảnh-thống (1498) làm Lại bộ cấp-sự-trung. Năm ất-sửu hiệu Đoan-khánh (1505), thăng thừa-tuyên-sứ Thanh-hóa. Mùa đông, tháng 11, năm đinh-mão (1507) sung chức chánh sứ sang nhà Minh tạ phong. Về việc đi sứ này, *Khâm-định Việt-sử* (quyển 25, tờ 24 a-b) chép « trước năm ấy nhà Minh sai Hàn-lâm-viện biên-tu là Tăng-Đạo, Lại-bộ cấp-sự-trung là Trương-hoảng-Chí sang nước ta báo về việc Vũ-tông lên ngôi, và tặng lụa mui, Hành-nhân-ty hành-nhân là Hà-Lộ sang tế vua Hiến-tông nhà Lê, Hàn-lâm-viện biên-tu là Thâm-Đạo, công-khoa cấp-sự-trung là Hứa-thiên-Tích đem sách sang phong vua Lê Uy-Mục làm An-nam quốc-vương và ban cho áo mũ. Hứa-thiên-Tích thấy Uy-Mục-đế, nhâm-làm câu thơ rằng: « An-nam từ bách vận vu trường, thiên-y như hà giảng quĩ-vương? », Họ Lê làm vua nước An-nam bốn trăm năm, vận còn dài; ý giới làm sao lại sinh ra quĩ-vương như thế? (Người Tàu nói vận nhà Lê được 400 năm, đến đây mới non 100 năm, mà sao giới lại sinh ra Uy-

Mục là người không đáng vì thiên-tử). Đến năm đinh-mão (1507) vua Uy-Mục lại sai sứ sang nhà Minh: Hộ-bộ tả thị-lang là Di-ơng-trực-Nguyên, Đông-các hiệu-thư là Chu-Vấn, Hàn-lâm-viện kiêm thảo là Đinh-Thuận sang mừng vua Tàu lên ngôi, hồng lô tự thiếu khanh là Nguyễn-Thuyền dâng hương, Công-bộ hữu thị-lang là Nguyễn-Đạo, Hàn-lâm-viện kiêm-thảo là Doãn-mậu-Khôi Hộ-bộ cấp-sự-trung là Lê-dĩnh-Chí sang tạ về việc tế Lê Hiến-tông, Thanh-hóa thừa-chánh-sứ là Lê-Tung (tức Dương-bang Bản), Hàn-lâm-viện kiêm-thảo là Đinh-Trình, giám-sát ngự-sử là Lê-hiếu-Trung sang Tàu tạ về việc sách phong, Nghệ-an tham-chính là Lê-Uyên, Hàn-lâm-viện hiệu-ly là Ngô-Tuy, giám-sát ngự-sử là Hoàng-Nhạc, sang nộp lệ cống hàng năm ».

Khi đi sứ về, Lê-Tung lại làm thừa-tuyên Thanh-hóa, theo Trương-Dực-đế khởi binh ở Tây-dò, có công, được thăng Lại-bộ thượng-thư, tước Đôn-thư-bá, dần dần thăng đến Lễ-bộ gia hàm thiếu-

bảo, Đông-các đại-học-sĩ, coi việc tòa Kinh-diên, kiêm chức Quốc-tử giám tế-tửu (không phải thái-bảo, Đôn-hòa, biên-tu quốc-sử, như *Đại-Việt sử-ký tiền biên* chép ở tờ 11 b) Năm giáp-tuất (1514) hiệu Hồng-thuận, phụng mệnh soạn bài *Việt-sử tổng-luận*, in ở đầu quyển *Đại-Việt sử-ký toàn thư*, tờ 1-21, đề là *Việt-giám thông khảo tổng-luận*; lúc bấy giờ ông 63 tuổi (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 79 b; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TÔ

Hộp thư

— ÔNG MÃN KHÁNH — Chúng tôi rất hoan nghênh xin ngài gửi ra ngay — đa tạ

Chúng tôi có nhận được của một bạn đọc ở Long Thanh cái ngân phiếu 5\$ số 043, 415/ 10 không đề tên. Vậy bạn nào quên xin cho biết để chúng tôi liện việc vào sổ.

— Ô. Ô. Liền Saigon, Nhượn Pleikuy-Chuy Quảng-Ngãi, Huệ Thủ-đức

Đã tra sổ cũ đúng cả Xin lỗi.

T. T.

Sách của

Nhật - Nham TRỊNH - NHƯ - TÀU

a) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học Đường Đông Pháp

1) *Trịnh-gia Chính Phả.*

Giá cũ 0\$40

2) *Gương Luân-Lý* (hết)

3) *Hưng yên địa-chỉ* (hết)

4) *Bắc giang địa-chỉ* đ. 23 1/2 trang, có bản đồ phụ đính Giá cũ 1\$50

b) *Vị-tiên.* (Xã hội Tiên thuyết)

0\$25

Hoa xưa ống cũ. (Hài-kịch)

0\$30

Từ Hano đến Hồ Ba Bể (du-ký)

2\$00

Có bán tại các hiệu sách năm xứ và tại địa-chỉ tác-giả :

Nhật - Nham TRỊNH - NHƯ - TÀU

Tham-lá phủ Thống Sứ Bắc-kỳ Hanoi hay biên-lập báo Trí Tân.

95-97 Rue Chancéaulme

Hanoi

Tả-quân

Lê Văn-Duyệt

(1763-1832)

Số 7

NGUYỄN TRIỆU

Cách vài hôm sau, các quan ở Nội-các là Hà-Quyền, Nguyễn tri-Phuơng và Hoàng-Quỳnh đều tâu rằng :

« Duyệt che-chở cho quân phi-loại mà gây nên sự biến loạn, cái vạ vốn tích đã lâu, nay xét đến những giấy má của y từ ngày trước thì rõ ra binh tích bội nghịch có 6 điều :

« 1.) Năm Minh-mạng thứ 4, tự tiện sai người riêng giả danh đi thám sang nước Diên-diện, trong thư chắc có giao-thông. Cứ lấy nghĩa làm tôi không có phép được giao-thông với nước ngoài, thì tâm-sự của y đã là rõ lắm rồi, ấy là một tội ;

« 2.) Khi sứ thần Diên-diện đến thành, mới tâu ra Triều-dinh. Đã có chỉ-dụ nói việc đó quan-hệ đến việc lớn thì không nên khinh thường nghe người ngoài mà bỏ tình hòa hảo, gây sự cừu địch, thế mà y cũng cứ cố xin dung-nạp. May mà Triều-dinh giả cả lại những đồ cống-phẩm và cho sứ Diên-diện về nước, nên danh-nghĩa lớn nước ta mới giải tỏ được với thiên hạ... Thế là y chẳng những mưu việc nước không ra gì mà lại còn cố lấy ý riêng của mình để che lấp, ấy là hai tội !

« 3.) Năm Minh-mạng thứ 7, cả

chiếc tàu của người Anh bị bắt phong vào cửa Bình-thuận, đã có chỉ sai sở-tại hộ-tống mà y cố xin đưa vào Gia-dinh lại nói rằng : « Quan trấn kiểm-thúc không bằng thần có quyền khiến cho kẻ kia phải sợ tướng-lệnh mà sợ binh-oai ». Hai chữ « có quyền » đó xưa nay vẫn lấy làm răn mà y dám đường hoàng tự nhận thì đủ biết là kiêu-căng dường nào, ấy là ba tội ».

Ngoài ra còn ba điều nên tội nữa song cũng không lấy gì làm quan-trọng, nhưng có một tội thứ 6 là binh-nhật thường khoe với mọi người rằng Duyệt đi lễ, xin « xăm » (1) được bốn câu thơ :

*Tá Hán tranh tiên như Hán
tượng,*

*Phụ Chu ninh hựu thập Chu
thần ?*

*Tha niên tái ngộ Trần-kiều sự
Nhất đán hoàng-bào bức thử
thần ».*

Dịch nôm :

*Giúp Hán há thua cùng tướng
Hán ?*

Phò Chu nào kém bọn tôi Chu ?

*Trần-kiều nếu gặp cơn binh
biển,*

Mảnh áo hoàng-bào dẽ ép nhau.

Các quan Nội-các buộc cho rằng « Nếu Duyệt không phải là sảo có bụng bất trung thì sao lại dám đem bài thơ ấy ra mà khoe với người ta khiến cho bọn thủ-hạ tập quen thành thói ? Nay thấy y chưa lạnh mà đã có việc này thì xin giao cả những lời tâu đó cho Đình-thần kết án để chính tội ».

Vua liền ưng cho.

Khi nghị - án xong, cứ trích những lời nói, việc làm phản-nghịch thì Duyệt phạm 7 tội nên chém là :

1.) Sai người sang Diên-diện, tư thông ngoại-quốc,

2.) Xin giao lâu Anh-cát-lợi cho để tỏ có quyền,

3.) Xin giết thị-vệ Trần-văn-Tĩnh để khóa miệng người ta,

4.) Kháng sớ xin lưu quan lại bỏ đi nơi khác,

5.) Lập đảng mà xin tăng thọ cho Lê-Chất,

6.) Giấu và chứa giấy ngự bảo,

7.) Mò mả cha dám gọi là « lảng », đối với người tự xưng là « cô ».

Hai tội nên giảo :

1.) Cố xin dung nạp Diên-diện để che chở cái lỗi mình,

2.) Dám khoe với người ta rằng xin thể được bài thơ « Hoàng-Bào ».

Một tội phải phát quân là « tự tiện chớ quân đi tu tạo tàu thuyền.

« Về việc loạn thành Phiên-an, y thực là đầu vạ, nếu chiếu theo luật về mưu phản thì phải khép vào tội « lảng tri » song y đã chết rồi, vậy xin truy đoạt cả những cáo sắc, bỏ quan quách giết thây để làm gương mà răn cho người khác. Còn như tằng tổ, tồ-phụ của y được phong tặng cáo sắc thì xin cũng truy đoạt lại cả. Con, cháu, vợ cả, vợ lẽ đều phân biệt nghị tội và tài sản thì tịch biên hết ».

Ấn ấy đệ lên, đức Minh-Mạng liền sai hình-bộ sao bản văn án ấy phát tất cả các Tổng-đốc và Tuần-phủ các nơi, xem ý-kiến riêng của các quan sao thì tâu về. Sau đó, các nơi tâu về đều đồng một ý với vua cả và xin y đình-nghị. Duy có Tổng-đốc Bình-phủ là Võ-xuân-Cần và Tổng-đốc Ninh-thái là Hoàng-văn-Trạm có tâu kèm thêm một câu rằng :

« Hoặc nên lấy công bù tội, châm chước cho ít nhiều thì tự an vua... »

Bấy giờ đức Minh-mạng mới lại dụ rằng : « Xem như vậy thì đủ biết lẽ Trời không sai, mà công lý ở lòng người không ai giấu được. Kẻ quyền-gian kia gây vạ, thiên-hạ ai ai cũng lấy làm căm tức, muôn miệng cùng lời, đủ tỏ cái án sắt nghìn xưa. Tội Lê-văn-Duyệt nếu cứ nhờ từng sợi tóc mà kẻ cũng không hết, nói ra càng thêm đau lòng, dù có bỏ quan quách mà giết, thây cũng là đáng tội. Song nghĩ hẳn chết đã lâu và đã truy-đoạt quan-tước rồi, xương khô trong mộ không bố gia hình. Vậy cho Tổng-

đốc Gia-định đến chỗ mã hầu san làm đất phẳng và khắc đá dựng bia ở trên viết to mấy chữ : « Quyên yêm Lê-văn-Duyệt thụ pháp xử » (2) để chính tội danh cho kẻ đã chết và tỏ phép nước về đời sau-để làm gương cho kẻ quyền gian muôn đời !

« Không những Lê-văn-Duyệt là họa thủ, mà tên cháu y là Lê-văn-Hán cũng giao-thông với giặc thì thân thuộc phải tội, trong luật đã có điều nói rõ rồi và đã xử cực-hình cũng đủ tỏ phép nước. Những kẻ thân thuộc khác, khép tội trăm giam-hậu cũng đủ cho nó phục tội.

« Lời dụ này phải chuẩn lục tổng phát cho mỗi tỉnh một đạo đề cho ai nấy đều biết Triều-đình xử rất công, rõ-ràng cái căn hạ thước mà nghiêm như rìu búa nghìn thu »

Sau khi án này ban ra, mộ Lê-văn-Duyệt ở Gia-định liền bị cuộc phẳng bằng mặt đất, có bia « quyên yêm Lê-văn-Duyệt thụ pháp xử » đeo xiềng và xích sắt có khóa lại.

Phổ-mã Lê-văn-Yên (lấy công chúa Ngọc-Ngôn là con gái thứ 10 đức Gia-long) là con Lê-văn-Phong (3) gọi Lê-Tả-quân là bực ruột cũng bị giết; còn vợ là người hoàng-lộc, cho nên được miễn nghị.

Phu-nhân tên Đỗ thị-Phấn, đáng lẽ cũng bị tội phải giết, song vì Lê-Tả-quân có tạt ân-cung nên theo phép thì không kẻ là vợ Duyệt được, Triều-đình tha không giết.

Sau khi thoát chết, phu-nhân về ở với bà mẹ đẻ là bà Dồi ở Chợ lớn, nương nấu tại một cảnh chùa của bà mẹ, tức là

chùa bà Dồi ở ~~ở~~ thường Lalung Bonnaire sau đường Frédéric Drouhot ở Chợ lớn ngày nay.

Không được bao lâu, phu-nhân cũng buồn-rầu rồi mất và táng ngay ở vườn sau chùa.

Sau này những bộ-hạ của quan Lê-Tổng-trấn, đợi đến đêm cất lên đem di-táng phu-nhân sang Gia-định chung với lăng Ông rồi lại xếp y nguyên những xiềng xích lên trên đề cho phu-nhân được cùng chung chịu tội với phu-quân. Hiện nay cũng còn cả mộ hai bà thiếp : bà họ Võ, mộ ở đường la Posto, mà ta quen gọi là « làng cò » và một bà nữa mộ ở trong trại lính bên kia đường Avenue Lê-văn-Duyệt ở Gia-định bây giờ.

Đến năm Tân-sửu (1841), vua Thiệu-trị mới lên ngôi, thấu biết Tiên-đế làm tội oan Lê-văn-Duyệt, nên ngài xuống chiếu hủy hết bia cùng xiềng-xích ở mộ Lê-Tả-quân và cho xuất tiền kho xây đắp cả lại, tức là mộ mà nay ta còn thấy ở Gia-định đó.

Sang đến đời vua Tự-dức năm đầu (1847), quan Đồng-Các đại-học-sĩ Võ-xuân-Cần lại dâng sớ tâu xin gia-ân cho con cháu bọn Nguyễn-văn-Thành, Lê-văn-Duyệt và Lê-Chất. Lược dịch sau đây :

« Chu-lễ có chép 8 điều bàn-xét đề khoan kẻ có-tội, Tả-truyện có lệ 10 đời được tha để đãi kẻ có công. Đó là cái ý đối với người thiện thì yêu lâu dài, đối với kẻ ác thì ghét ngắn-ngủi : tỏ ra cái cách trung-hậu vậy.

« Nhà nước ta từ hồi đầu trung-hưng, phẩm những bầy tôi ra giúp, huân-liệt rõ ràng, đều đi

(Xếp tiếp trang

ĐẠI-NAM DẬT SỰ

Số 4

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

*1. — Đỗ-Viện là người Nam hay người Tàu?

Ta có câu: « Tam đại thành tồ » (tam đại người làng này sang ở làng kia được ba đời, thì làng kia mới coi như người làng; không thì chỉ là người ngụ-cư mà thôi. Có lẽ vì thế mà quyền *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* (quyển 4, tờ 15 a) và quyền *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 4, tờ 8 b) đều chép Đỗ-Viện (chữ Viện có âm đọc là Hoãn, có âm đọc là Hoàn), làm thứ-sử Giao-châu về đời Tấn, là « người Chu-diên nước ta » (ngã quốc Chu-diên nhân), và chưa một câu rằng: « ông nội Đỗ-Viện làm thái-thủ Hợp-phố », ý nói đã được ba đời thì là người nước ta. Sách của Tàu như quyền *An-nam chí nguyên* (trang 178) cũng chép vào mục Nhân-vật nước ta, còn người Tàu thì chép vào mục Huân-tích và Hoạn-tích, đề riêng mục Nhân-vật cho người Nam.

Một đảng theo thuyết « Tam đại thành tồ », một đảng sách chép như thế, cho nên phần nhiều cho Đỗ-Viện là người Nam. Nhưng cháu Đỗ-Viện là Đỗ-hoảng-Văn, được vua Tàu triệu về kinh, lại nói: « Ta ba đời cầm cờ tiết ở Giao-châu, thường muốn thân-hành sang đế-định ». Xem câu nói ấy cũng biết là vẫn nhớ quốc tịch, và quê cha đất tổ.

Hửu quê cha đất tổ (patrie, de nos pères), sách tây cái là « cùng một đất nước,

cùng một giống nòi, cùng một tiếng nói, cùng một lễ-giao, cùng một phong-tục, cùng một quyền-lợi, cùng một luật-pháp, cùng một lịch-sử ».

Có người đã bẻ rằng về nòi giống thì không cứ đồng-chủng, ví như nước Thụy-sĩ có nhiều giống người mà vẫn thành nước. Tiếng nói, thì Bắc-Mỹ nói tiếng Anh, Nam-Mỹ nói tiếng Tây-ban-nha, một phần Thụy-sĩ và Tý-lợi thì nói tiếng Pháp, một phần nước Nga nói tiếng Đức: như thế thì không cứ gì phải đồng-âm mới là quê cha đất tổ. Tôn-giao cũng thế: ngày xưa mới có tôn-giao quốc-gia chứ bây giờ thì khác, tôn-giao là việc của cá-nhân: không cứ phải theo cùng một tôn-giao mới là cùng một nước. Còn như phong-tục, tuy là thiên-lý đồng-phong, nhưng* khắp trong nước không thể giống nhau hết cả. Luật-lệ và lịch-sử, cũng không cứ gì phải cùng nhau. Bởi thế các nhà triết-lý Âu-châu cho tám cái tương-dồng ấy chưa có thể gọi là nước được: phải cùng một tinh-tinh, cùng một ý muốn mới gọi là nước: ông Renan gọi nước là « một cái hồn, một mối tinh-thần », tức như bây giờ gọi là quốc-hồn. Xem như truyện Cù-hậu cũng đủ biết: nguyên-quán người Tàu, lấy chồng là thái-tử nước Nam, sau được làm hoàng-hậu, thái-hậu, nhưng vẫn giữ tinh-tinh người Tàu, không muốn làm dân ta, không theo câu: « Có con phải khổ vì con, có

chồng phải gánh giang-sơn nhà chồng ».

Đến ba ông cháu Đỗ-Viện cũng thế: có cơ biệt-chiếm giang-sơn như Triệu-Đà, mà không làm, thế mới biết là trung-thành với đất nước.

Trong truyện con Đỗ-Viện, là Đỗ-tuệ-Độ, có câu « cấm dâm-tử, tu học-hiệu » (cấm dâm-thờ dâm-thần, sửa lại các trường học), và câu: « thành-môn dạ khai, lộ bất thập di » (cửa thành đêm mở, ngoài đường không bật cửa rồi): nếu thực như thế, thì đúng với chữ Pháp là « hoàng-kim thời-đại » (âge d'or). Đương khi bên Tàu có loạn lục triều, phía nam cỡ Lâm-ấp quấy-nhiều, thế mà ba ông cháu Đỗ-Viện giữ được châu Giao là một cõi thái-bình thịnh-trị, thì dù là người Tàu hay người Nam, cũng nên ghi chép.

Đỗ-Viện, người huyện Chuyết-diên, quận Giao-chỉ; nguyên-quán ở kinh-triệu (tức kinh-sử đời Tấn, nay là chỗ đất từ Thiểm-tây, Tráng an, trở về phía đông đến huyện Hoa). Ông nội là Nguyên (*Đại-Việt sử-ký tiền-biên* chép là tăng-tồ) làm thái-thủ Hợp-phố (chép theo *Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, quyển 4, tờ 9 a; còn *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 4, tờ 15 a, và *Khâm-định Việt-sử*, thì chép làm thái-thủ Ninh-phố), nhân ở lại Giao-chỉ.

Năm canh-thìn (380 sau Thiên-Chúa), hiệu Thái-nguyên thứ năm đời Tấn Hiếu-vũ, thái-thủ Cửu-chân là Lý-Tồn giữ châu Lâm-phân (tức châu Giao; có lẽ thứ-sử châu Giao (Xem tiếp trang 20)

Tả-quân Lê Văn-Duyệt

(Tiếp theo trang 7)

đối đối tập tước, lòng-tự miếu đình; còn đến những người chỉ có một chút công nhỏ cũng đều sống được vinh danh, chết có hiền-hiệu. Cái điển-lệ đền kẻ có công rất là ưu hậu.

« Tự trung bọn Nguyễn văn-Thành, Lê văn-Duyệt, Lê-Chất đều là gặp hội gió mây, theo vòng lên đạn, thân làm đại-tướng, tước đến Quận-công. Khoảng năm Gia long, Văn-Thành vì không ngăn cấm được con, tức bực tự tận, về sau, con cháu y lại vì cái án nghịch làm theo đảng nguy mà phải bắt, bị giết lấy cả lũ; Văn-Duyệt và Lê-Chất, sau khi đã chết, án nặng mới phát ra, đều phải đoạt hết cả quan tước và làm tội cả đến những con cháu bấy còn. Cứ như cái án đã thành, tội không thể chối. Xét đến cái cơ mắc tội thì tình cũng nên thương: Bởi bọn họ đều là những người cực mịch, xuất thân từ nơi trận-mác, chỉ biết giết thân đánh khỏe để lập chút công, chứ không biết học đạo khiêm cung để giữ lấy mình. Đến khi có công cao thì bợm, thân quý thì kiêu, nghĩ gì làm nấy, không tránh hình-tịch, nhân thế mà tự rước lấy những sự gièm-pha mà chác lấy tội lỗi. Đó cũng đều là bởi có

không học cả. Xưa nay những võ-thần mắc phải bệnh ấy thường thấy rất nhiều...

Thần xem sử sách đời xưa, công thần nhà Đường như bọn Trương-tôn Vô-Kỵ, Lý-thế-Tịch, công thần nhà Lê như bọn Trần-nguyên-Hãn, Lê Sát, Lê Ngân, hoặc vì con cháu hư hỏng hoặc vì mình mắc án nặng, ban đầu tuy phải tội hầu đến tước diệt, nhưng rồi sau cũng lần lượt hoặc được phục lại quan tước, hoặc được lục dùng con cháu. Ban đầu bắt tội, là để giữ phép nước; về sau truy lục, là để tỏ ơn riêng: công với tội trừ vào nhau, ân và pháp cùng thi hành, hai đảng chưa từng trái nhau vậy.

« Nay bọn Nguyễn-văn-Thành đây, công và tội so với bọn Lý-thế-Tịch và Trần-nguyên-Hãn cũng giống nhau. Nếu cho là đã mắc tội mà không truy lục đến công thì chẳng hóa ra bọn họ gian nan trăm trận thế mà đến nỗi hồn tàn vật vương lập lòe như ngọn lửa ma trời, chung qui làm con quỷ Mạc-ngạo không người cúng tế? Tình hình ấy tưởng lòng Thánh thượng cũng không nỡ vậy!

« Cúi xin gia ơn đặc-cách ban sắc xuống mà tra xét dòng-dõi hiện còn lại của những người ấy xem kẻ nào có thể dùng vào việc được thì tùy liệu mà ban cho một chức hàm nhỏ, kẻ nào không thể dùng được thì cũng miễn cho không phải làm lính tráng đao-dịch suốt đời để ở nhà giữ việc thờ cúng. Như vậy để tỏ điển-trung-hậu...»

Đức Tự-Đức xem bài sớ này, lấy làm cảm-động, bèn truy

phong lại cho Nguyễn-văn-Thành, Lê-Duyệt cùng Lê-Chất, và ban phẩm hàm cho con cháu bọn họ (4). Lại cho đắp phần mộ Lê-văn-Duyệt, cao thêm lên và sửa sang tu bổ lại đền thờ ở Gia-định đồ-xô, sầm uất ở giữa châu thành. Đền thờ ấy nay đã trở nên trung-lâm-diêm cho các tiện-nam tin-nữ khắp lục tỉnh và miền Chợ-lớn Saigon lui tới đèn-nhang hương-khói. Nhất là đêm giao-thừa, năm nào cũng vậy, ở đây có lẽ còn nao nhiệt hơn là chùa Trấn-Vô hay đền Ngọc-Son ở Hà-thành.

(Hết)

NGUYỄN TRIỆU

(1) Đi lễ xin được « quốc thổ ».

2) Nghĩa là chỗ tên Hoạn-quan Lê-văn-Duyệt chịu tội.

3) Lê văn-Phong là em ruột Lê văn-Duyệt, vì theo anh đi đánh giặc lập được nhiều công; nên được phong làm Tả Duyệt Đô-Thống-chế và đã có lần làm chức Hiệp Trấn-trấn Bắc thành đồng thời với quan quân Lê-Chất.

Mộ Lê văn-Phong nay cũng còn ở miếu Phủ-nhưân theo đường Mao-Mahon prolongé, ở trong khu đất có biệt-thự của viên giám-đốc Đông-pháp ngân-hàng gần sân-sơn-nhút.

(4) Bấy giờ dân làng Long-hưng mới đem trình quan sở tại một người cháu của Lê-văn-Duyệt, tên là Lê-văn-Thít, cháu nội. Lê-văn-Phong, sợ tội với Triều-đình nên phải trốn tránh mặt.

Đã có bản

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

(Văn-chương và thân thể Trần tế Xương)

Một lát lác của TRẦN THANH MẠI

Kỳ tài bẩm này lác giả đã dùng công sửa chữa.

Sách ngót 200 trang. Giá 1\$90

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

29, LAMBLOT - 1890

Giá báo

Mỗi số	0\$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sớ giá gấp đôi

Mua báo xin giá tiền trước

NỀN HƯNG-HỌC XỨ BẮC-KỲ

NHẬT-NHAM

DÂN chúng là phần đông của một nước. Một nước tiến bộ mau hay chậm một phần do theo trình-độ dân-chúng. Cho nên trong việc cải tạo xã-hội, việc mở mang dân-trí là một vấn đề thiết-yếu không thể bỏ qua được.

Gần đây, việc mở các trường làng tại khắp xứ Bắc-kỳ tỏ cho ta biết lúc nào nhà nước cũng sẵn-sóc đến sự khai-dạo cho dân-chúng. Trong vòng hai năm nay, trường làng mọc lên như nấm, đã thu dụng đi học bao thiếu niên có bằng cấp, lại giúp cho biết bao nhiều trẻ có nơi học tập. Trường làng mới mở khác với trường hương học đã có từ trước. Tiện đây xin nói sơ về việc học tại thôn quê để cống hiến độc giả một vấn đề không phải không quan trọng.

Trong các xã-thôn Bắc-kỳ, còn nhiều trẻ thất-học, hoặc vì gia-canh, hoặc vì địa-thế xa cách học-đường. Muốn cho trẻ các xã thôn có một nền giáo-dục bậc sơ-học, muốn truyền bá giữa dân chúng những điều thường-thức có ảnh-hưởng đến cuộc sinh-hoạt, muốn thi hành những luật-lệ mới một cách triệt để, chính phủ đã từng nghĩ đến việc bãi-trừ nạn thất-học tại các nơi thôn dã, nên đã định cho mở tại mỗi làng một trường học hay cho hai hoặc ba xã nhỏ gần nhau lập trung một trường.

Những trường học này cũng tương-tự như các trường hương học đã thành-lập từ trước. Các phí-khoản đều do các làng có trường phải chịu. Các làng này trả

tiền lương thầy học, sắm các vật liệu, cho mượn nhà hoặc đình, chùa, công-sở làm trường học.

Thầy giáo trường làng cũng như các hương-sư, phải đủ 18 tuổi, có bằng sơ-học tốt nghiệp hay ít nhất phải có bằng sơ-học yếu-lược mà đã từng học đủ chương-trình bậc sơ-đẳng. Những người có bằng cấp về khoa cử cũ cũng được tuyển làm thầy học các trường làng. Trước khi được bổ, các thầy học phải theo lớp tu nghiệp, mở tại tỉnh-ly, dưới quyền giám đốc của học-quan : thời hạn là 3 tuần lễ. Các thầy học trường làng, cũng như các hương-sư, thuộc quyền kiểm-soát các viên thanh-tra học-chính và các học quan.

Nói tóm lại, trường làng cũng giống trường hương-học, về phương-diện quản-trí và tài-chính, có khác là khác về sự tổ-chức sư-phạm. Như các trường công-bực tiểu-học, trường hương-học dạy theo một chương-trình đã định. Còn các trường làng đặt ra, mục đích để bãi trừ nạn thất học : thầy dạy trò học đọc, học viết, học-tính lại thêm một vài điều phổ-thông về luân-lý, vệ-sinh và nhất là những vấn-đề có ích đến cuộc sinh-hoạt của nông-gia. Vì vậy các trường làng chỉ nhận những trẻ chưa biết chữ, dạy trong vòng một năm cho biết đọc, biết viết, biết tính. Hết niên-khoá, học sinh phải nhường chỗ cho kẻ khác.

Trước có hai tháng Septembre và Octobre 1941 mà tại Bắc kỳ đã

lập được 2271 trường làng. Trong số ấy, có 1873 trường riêng của 1873 làng, còn 398 trường là do các làng mở chung nhau. Tất cả có 2700 làng được hưởng sự ích-lợi của các trường ấy. Tất cả có 75.041 học-sinh (67.437 nam học-sinh và 7.604 nữ học-sinh) theo học. So với số học sinh bậc tiểu học thì số học sinh ấy tới 34,51 phần trăm số học sinh tiểu học.

Trong số các trường làng thì một trường có 3 lớp, còn thì đều mỗi trường một lớp cả. Số giáo viên có tới 2.275 người, gồm có 1448 người có bằng sơ học tốt nghiệp, 532 người đã đỗ sơ học yếu lược và 293 người là những người có một văn bằng về cựu-học.

Vấn đề cải tổ các trường làng làm trường hương học là một vấn đề cần thiết. Nha Học-chính sẽ dùng các phương pháp trong công cuộc cải tạo để hợp với ý-nguyện và sức sinh hoạt của dân chúng.

Từ tháng Septembre 1942, nhiều trường làng cải làm trường hương học. Vì vậy, tuy có mở thêm 520 trường mới tại các làng, mà số trường làng năm trước tới con số 2271 nay chỉ còn 1977 trường mà thôi.

Niên khóa 1942 — 1943, có 58.782 học sinh (53.563 nam học sinh và 5.219 nữ học sinh), tức là 26, 11 phần trăm số học sinh bậc tiểu học.

Trong số các trường làng, chỉ có 4 trường có hai lớp học, còn thì đều mỗi trường có một lớp thôi. Tất cả có 1987 thầy giáo, gồm có 1085 người có bằng sơ học tưng nghiệp, 703 người có bằng sơ-học yếu lược và 193 người có văn bằng về cựu học.

Các trường làng, trong công cuộc bài trừ nạn thất học, đã đem lại một kết quả rực rỡ.

Rồi bắt đầu từ vụ khai trường sắp tới này, một ít trường làng sẽ lần lượt cải làm trường hương học.

Hiện nay, trong toàn xứ Bắc kỳ, có tất cả 4000 được hưởng sự học văn của các trường làng hoặc mở riêng hoặc một vài làng mở chung.

Đến vụ khai trường năm nay, còn bao nhiêu trường làng sẽ mở hết, hoặc riêng cho mỗi làng hoặc chung cho vài làng. Vẫn biết rằng mỗi làng tuy chưa có hẳn riêng một trường, vì có nhiều làng mở chung trường, nhưng bọn đồng-ấu xứ Bắc-kỳ đâu đâu cũng có thể theo học được: trong các nơi thôn ỏ, ngoài số trường làng lại còn trường hương-học và trường điền-học của nhà nước mở ra từ trước.

Cái tình-thế mới ấy đã đem theo sự thay đổi nội-dung nền tài-chính quan hệ đến việc bảo thủ các trường làng và trường hương học.

Một khi số trường làng hay trường hương-học còn ít, thì làng nào chịu riêng phí-lớn của làng ấy về việc học, cũng là một việc chính-đáng.

Lúc đầu, muốn khuyến-khích các xã-thôn mở trường hương-học, Chính-phủ gia ân giảm cho các làng có trường-hương-học



một số thuế ngoại-phụ đề chi vào việc hương-học. Tuy vậy chỉ những làng to phải đóng nhiều thuế đình điền mới được hưởng một số ngoại-phụ đủ cung cho việc hương-học; chỉ những làng ấy mới chịu đệ đơn xin phép mở trường hương học. Ngoài ra, những làng nhỏ, số ngoại phụ được giảm rất ít, không đủ chi vào việc học, nên không mấy làng chịu mở trường. Đôi khi, trong số các làng ấy, có làng xin mở trường hương-học, lẽ tất nhiên dân chúng phải chia nhau chịu một số tiền đủ chi dụng vào việc học, ngoài số tiền ngoại phụ được giảm. So với dân các làng to thì dân các làng nhỏ có trường hương học phải chịu thiệt hơn nhiều.

Xét hiện tình nền tiểu học, có nhiều sự chônch lệch trong việc phân chia các phí khoản giữa các làng:

1) Các làng có trường tiểu học công, tuy không được giảm một số thuế nào, nhưng không phải chịu một khoản phí gì về trường tiểu học ấy;

2) Dân chúng các làng có trường hương học hay có trường làng tuy được giảm thuế, nhưng phải chịu các phí lớn về việc hương học:

a) Nếu làng to thì số thuế được giảm đủ cung cho việc học mà có khi lại còn thừa. Như vậy dân không phải đóng góp gì thêm mà lại được hưởng quyền lợi trong việc hương học;

b) Nếu làng nhỏ, số thuế được giảm sẽ không đủ chi các khoản phí về trường học và dân chúng phải chia tay nhau chịu thêm một số tiền nhiều ít tùy theo từng làng.

Nay mai số trường làng sẽ mở khắp nơi, tất cả các làng đều có thể hưởng quyền lợi trong sự truyền bá nền lương học. Nếu chia đều cho dân đình điền mỗi tỉnh những số tiền đủ cung cho các trường làng hay trường hương học trong tỉnh, thì không những đã công-bằng, mà lại còn hợp với tình thế hơn nữa.

Quan Thống sứ đã từng nghĩ đến vấn đề ấy và định từ nay sẽ không cho các làng có trường làng hay trường hương học được hưởng sự giảm thuế nữa. Những khoản phí về việc hương học sẽ chia đều cho đình điền mỗi tỉnh và cùng thu với thuế đình điền của nhà nước.

Chính-sách mới này sẽ thi-hành từ 1er Septembre sắp tới. Như vậy thì ai ai cũng có nghĩa-vụ đối với việc học trong địa hạt mình. Mà chính-sách ấy có thể giảm được biết bao điều phiền-phức trong việc bảo thủ các trường làng và trường hương học trong sự truyền-bá nền hương-học, trong việc mở thêm các trường làng, trong việc thu các khoản-phí, trong việc giữ sổ kế toán và thay đổi lương các hương-sư.

Chính sách ấy chắc sẽ được công-chúng hoan-nghehnh và sẽ có kết-quả mỹ-mãn ảnh-hưởng rất quan-trọng đến sự truyền-bá học-vấn tại nơi thôn-đã.

NHẬT-NHAM

Không những vậy, sinh-lý-học đương thời còn mới tìm ra những điều kiện khác nữa : ấy là những chất bài tiết của các bạch. Khắp trong thân thể chúng ta có những hạch to nhỏ không đều, bài tiết nên nhiều chất bồ : máu lượng lặt tất cả những chất bồ đó đem phân phát cho từng tế bào nhỏ. Bởi vậy, mỗi tế bào đều thấm nhuần những chất bài tiết của các bạch. Người ta chưa biết rõ hết những chất đó, nhưng cũng đã tìm ra rằng cần một hạch ở yết hầu đi chẳng hạn, người bệnh bắt buộc trở nên ngu dốt. Trí nhớ kém đi nếu hạch đó không bài tiết đều hòa như lúc khỏe-khoắn. Công cuộc : nghiên cứu về những hạch hiện nay vẫn còn đương tiếp.

Tất cả những điều nhận xét kê trên của sinh lý học vẫn chưa giảng nghĩa được sự hình thành của tư duy. Công việc đó, ta phải dành cho những khoa học nghiên cứu về tâm-lý. Và dưới đây là giả thuyết của một triết nhân duy tâm nổi tiếng nhất thời nay, ông Bergson. Chúng tôi đã tìm đến Bergson, vì muốn đọc giả nhận thấy rằng duy tâm, ngày nay, không còn là đặt tư duy ở nhót vót trên cao, bên ngoài đời sống nữa.

Bergson đã nghiên cứu về những điều kiện khách quan của tư duy, nghĩa là hoàn cảnh trong đó người thời xưa sinh hoạt. Ông nói : trí khôn là kết quả của sự hoạt động. Không hoạt động thì không có trí khôn không có nghị lực, không có tư duy, không có tinh thần và người ta sẽ đi cò tinh thần cao nhất là vì đã hoạt động nhiều nhất.

Chúng tôi điều đó không khó khăn gì. Cái khó là vạch rõ những chặng, trên con đường mà trí khôn đã đi qua rồi nhân đó vạch rõ những tính chất đặc biệt của trí khôn loài người.

Ta thử xét đến loài cây trước nhất. Cây cỏ không phải hoạt động cũng đủ sống. Nhưng cũng vì không hoạt động nên chẳng hạn cây bàng mà ta nhìn thấy ngoài kia mới không có tư duy. Thực vậy, rễ cây đâm sâu xuống đất, hút những chất bồ cầu thiết cho cây. Nhựa đó theo những mạch sống của cây trào lên tới lá. Lá xò ra ánh mặt trời đón lấy ánh sáng và hút lấy sức nóng. Ánh sáng đó, sức nóng đó, cùng với những chất hóa học được trong khí trời, biến nhựa sống đang trào lên thành nhựa « chín », ít nước hơn và nhiều chất bồ hơn. Những « mạch máu » của cây đem phân phát món ăn đó cho từng tế bào nhỏ. Và cứ như thế cây yên ổn sống mãi; qua hè sang thu, qua đông sang xuân, dầm mưa, dãi nắng bốn mùa. Cây không bao giờ phải chuyển động, mà cũng không bao giờ phải « bắn khoắn ». Thức ăn sẵn đầy mà nào cũng vậy, đời sống của cây thông thay đổi cho đến khi khô héo, cây chết.

Người ta không sống sung túc được như cây cỏ. Và cầm thú cũng phải chặt vật hơn cây cỏ nhiều lắm. Muốn kiếm được ăn, một con sâu nhỏ cũng phải hoạt động. Nhưng càng hoạt động nhiều càng gặp nhiều trường hợp khác : như, trí

Triết học phương tây

Lược lược tư duy

(psée)

(Tiếp và Bết)

NGUYỄN ĐÌNH THI

khôn, càng nảy nở. Điều đó không có chi lạ, vì càng gặp nhiều điều khổ, sinh vật càng phải « bắn khoắn », và chọn lọc. Chính do chỗ chọn lọc đó mà có tư duy.

Không cần chọn lọc thì chỉ có bản năng. Bản năng khác tư duy là vì thế. Ta thử nhìn một con chim làm tổ : không cần nghĩ ngợi, không cần đo đạc, không cần học tập, chiếc tổ xinh xắn được xây nên thực hoàn toàn, trong sự hoạt động đó, ta thấy một « bản năng ».

Thói quen giống bản năng chính ở chỗ không cần chọn lọc. Ta đang viết. Vừa viết ta vừa chấm mực. Song không hề để ý đến công việc đó, ta hành động đã quen, ta đã biến thành một chiếc máy : thói quen khác tư duy. Nhưng nếu trước mặt ta có hai lọ mực, một lọ xanh, một lọ đỏ, và nếu hai lọ mực đó đổi chỗ cho nhau mỗi khi ta chấm, thì công việc của ta không còn thuộc về phạm vi của thói quen nữa : ta cần chọn lọc, ta cần tư duy.

Người thời xưa chưa tư duy được như người thời nay, và sống tự nhiên gần như súc vật. Hình thù của họ, mặt, trí não còn thô sơ, gồ ghề lắm, họ đã biết nghĩ

tuy có một thần kinh hệ thật đặc biệt. Điều đã làm nảy ra tư duy trong thần kinh hệ đó là sự yếu ớt của loài người.

Loài vật không cần hoạt động lắm cũng sống còn được : chồn với nặng, rết, chúng đã có những bộ lông trắng bay đen, dày hay mỏng. Khi giới, chúng cũng không thiếu gì : loài thú có móng, có vuốt, loài chim có mỏ, có cánh, loài sâu bọ cũng có kim, cặp, và nọc độc. Duy chỉ loài người là yếu ớt nhất : bởi vậy, chỉ loài người là phải hoạt động nhiều hơn cả, và chặt vật hơn cả.

Muốn chống với cầm, thú, với rết, người xưa nhận thấy có hai cách : một là ở với nhau cho đông, hai là chế tạo nên những đồ dùng.

« Hợp quần thành sức mạnh », câu cách ngôn quen thuộc đó, được áp dụng mỗi ngày một thêm triệt để. Những gia đình họp thành những thị tộc, những thị tộc họp thành những bộ lạc nhỏ hay lớn. Cuộc sống chung đụng được thêm dễ dàng. Nhưng nói đến sống chung đụng là nói đến giao-thiệp, và nói đến giao-thiệp là nói đến bắn khoắn, chọn lọc, nghĩa là nói đến tư duy. Vậy tư duy phát sinh trong xã-hội. Mục đích của tư duy ấy là chế tạo những đồ dùng. Từ hòn đá, cành cây những

chiếc cuốc đá, cung gỗ, người ta đi đến mũi-tên bịt đồng, lưỡi dao bằng sắt : những đồ dùng càng tốt, tư duy càng phát triển và tư duy càng mở mang, những đồ dùng càng thêm nhiều sự hoạt động càng thêm dễ dàng, đời sống càng thêm sung túc.

Ta đã thấy rằng trí khôn chỉ có một mục đích là giúp cho sự hoạt động : do hoạt động mà có, tư duy lại quay về nâng hoạt động lên cao hơn. Mục đích của loài người không phải là tư duy, mà là hoạt động. Người xưa tìm biết, không phải để mà « biết », mà để làm cho đời sống được đẹp đẽ hơn, nếu có thể và thứ nhất là đầy đủ hơn. Trí khôn chưa biết say sưa trong vũ trụ mà chỉ biết tìm cách làm giảm sự yếu ớt của loài người bằng cách chế tạo những đồ vật. « Nếu ta xét đến cách hành động lúc đầu của trí khôn, ta thấy rằng trí khôn là để chế tạo nên những đồ vật, và thứ nhất là chế tạo nên những đồ dùng để làm những đồ dùng khác, và để biến hóa đến vô cùng sự chế tạo đó ». (1)

Cuộc chế tạo của trí khôn cốt để thay đổi vật chất. Chúng ta có chế tạo được những đồ dùng là bằng gỗ, bằng đá, bằng sắt, bằng đồng, chứ không phải bằng những ý tưởng. Trong vật chất, không phải chúng ta dùng được tất cả : phạm vi hành động của ta thường chỉ là những chất đặc (solides) và những chất mà ta gọi là chết, là không có tổ-chức. Người xưa coi gió, không khí, ánh sáng, là những thứ có tính cách siêu-phạm, vượt khỏi phạm vi hành động của tay người chúng ta. Vậy và chân chỉ sai khiến được dễ dàng nhất, là

gỗ, đá, sắt, nghĩa là, ta nhào. Lại một lần nữa, những chất đặc và chết.

Muốn biến hóa vật chất, người ta phải hành động theo những nguyên tắc đặc biệt. Những nguyên tắc đó cũng không nhiều lắm, nhưng sẽ giữ một địa vị vô cùng quan trọng trong lịch sử tư tưởng loài người, trong đó có cả lịch sử triết học mà ta đang tìm biết nữa.

Trước hết người ta phải cắt, xén vật chất nên những phần tử nhỏ để ghép lại theo trăm ngàn cách khác nhau : một người thợ mộc phải xén gỗ, phải cưa, phải bào ; một người thợ may phải cắt những tấm da thú để ghép lại theo một hình thể mới. Chúng ta có dùng, là dùng một phần vật chất nhỏ mà thôi : chỗ sắt mà ta dùng để làm lưỡi dao, hay lưỡi cày không phải từ cả số sắt có trong thiên hạ. Kết quả của điều đó trong tư tưởng là ta muốn chia vật chất nên bao nhiêu phần tử cũng được. Vật chất « chẳng khác gì một miếng vải mỏng mềm mà ta muốn cắt thế nào cũng được, để rồi khâu lại tùy theo ý thích của ta » (1). Vũ trụ có thể cắt xén nên những phần tử nhất định : cả không gian, và thời gian cũng có thể chia thành những khoảng nhỏ bé « riêng biệt » nhau nữa.

Nhưng cắt xén vật chất ra cũng không đủ để ta hành động được có kết quả. Những phần tử mà ta đã cắt xén ra đó còn phải không thay đổi. Nếu miếng vải luôn luôn thay đổi hình thể thì ta biết tra làm sao mà khâu vá áo. Quần được ? Nếu miếng gỗ mà ta vừa đẽo nên, mà một khác thì ta còn biết dùng nó vào công việc gì nữa. Nhìn rõ

(Xen tiếp trang 13)

Du ký

INDRAPURA (Đồng-Dương)

Số 1

Mãn-Khánh DU-ÔNG-KY

Tặng bạn Võ-Mai

I — Trên đường vào Đồng-dương. — « Gặp du-côn »

Lễ Pâques ! Một cơ-hội cho tôi được nghỉ để đi ngược lại giòng thời-gian trở lui về thế-kỷ thứ IX, vào làng Đồng-dương (Quảng-nam) mà thăm kinh-đô Indrapura xưa của nước Chiêm-thành

Hải (Tourane) uể-oải trong nắng gay gắt, cơn nắng đầy màu sắc của miền trung-xứ Trung-kỳ... Vĩnh-diện bồn-chồn trong ánh chiều vàng, gợn sóng nhẹ-nhàng huyền-ảo như tà áo là của nàng thiếu-nữ đang mơ trong gió...

Vĩnh-diện là nơi dừng chân rất tiện cho khách du-lịch muốn dùng xe đạp đi thăm các vết tích Chăm ở Quảng-nam ; tháp Bàng-an cô-đơn bên vệ đường Vĩnh-diện Kỳ-lam ; Trà-kiệu (Sinbapura) chìm ngập trong lớp nhà cửa, đền chùa của người Việt ; Mỹ-Sơn (đền Bhadresvara) lờ lỏi trong thung-lũng hoang-vu và Đồng-dương là kinh-đô Indrapura của nước Chiêm-thành về thế-kỷ thứ IX (1). Nghỉ một đêm, sáng sớm tinh sương, bạn tôi, anh Võ-M. cùng tôi, cỡi hai cái xe đạp, lướt ánh nắng mai thơm tho trên quan-lộ để đi vào Đồng-dương.

— Nào, hăng-hái lên, đề vào lấy kinh-đô của « Chiêm-tặc » !

Chết nỗi ! Vào chốn thôn-dã này, đi lùi lại hơn 10 thế kỷ tưởng tránh được ám-ảnh ủa không khí ở Huế đầy tin tức về chiến-ranh, thế mà vẫn không thoát

khỏi ! Té ra nhân loại từ xưa đến nay, quây-quần mà sống, nô-nức mà sống là chỉ vì mỗi một mục-dịch : chém giết lẫn nhau.

Nhưng, những thửa ruộng lúa già hạt vàng nặng trĩu, những đám khoai sắn từng rãnh cát trắng phau đang tắm trong nắng bây giờ tung bừng của sớm mai hề đẹp để ấy, đã làm cho chúng tôi quên bớt những ý nghĩ hắc-ám trên kia. Phía bên phải, tận đằng xa, là dãy núi Trảng-sơn, chen chúc nhau, phô bày những màu rất ăn nhịp : tím lợt lướt trên sườn, xanh đậm âm-u trong bóng... Tựa-trung có một hòn núi rất dễ nhận vì chóp nhọn và hơi nghiêng, tựa hồ-một chéo khăn ; dưới chân núi ấy là Mỹ-sơn.

— Kia, núi dùng khăn ngoắt chúng ta đến thăm đền của thần Bhadresvara. Núi gì mà đẹp thế ?

— Phải chăng là hòn Kư-caka hay Sulaha đã chép trong một cái bia ở Mỹ-sơn ?

Bên trái chúng tôi, các rừng phi lao xanh, nối tiếp nhau, chặn những đám cát trắng, theo chiều gió từ ngoài biển chạy vào, chực lấp nương dâu ruộng lúa.

Vượt sông I-hu-bôn, nước trong lan-lăn gợn sóng như ở Hương-giang...

Qua sông Ba-rén, uốn mình trong nhà cửa cây cối...

Vượt sông Ly-ly, đang phơi dưới nắng những cồn cát phẳng-phiu...

Đến phủ-ly Thăng-bình, chúng tôi bỏ quan-lộ, giòng ruồi trên con đường nhỏ xinh xinh, uốn mình qua những trái đồi tròn trĩnh đầy hoa sim tím. Trên hoa nổi những hòn đá to lớn giống lưng voi kỳ-dị đã bị giết, bốn chân chôn trong cát từ thuở nào. Trên đá, những lát sán trắng phau, dan vùng lân cận đã rứt từ khi mai, đang phơi dưới ánh nắng mỗi lúc mỗi gay-gắt rục-rỡ.

Sân trắng, cát trắng. Trông qua những sóng hơi nóng, thấy nhà cửa cây cối như chập-chờn rung-động. Hai con ngựa sắt khô dầu hý lên ken-két.

— Ngựa đã đánh hơi được quân Chăm đấy. Coi chừng tên thuộc-dộc ở trên đồn, trước Tink-xá, bắn xuống !

Đồn lính ? Chiêm-bình huy động trong tiếng tù-và tiếng trống barandon, dưới sự chỉ-huy của mấy ông Senapti hung-lợn ?

Nào đâu thấy ! Chỉ một khoảnh đất : trong cay cỏ lúp-xúp lờ-nhờ mấy đống gạch nát ; ở giữa, trên mặt nước đục ngầu của một hồ cạn, bày vệt đang lợ và rĩa lông. Người săn vịt lơ dềnh hoa qua hoa lại một lá cờ rách rưới buộc trên cán dài.

Đạp luôn một mạch hơn ba mươi cây số, dưới trời nắng chang chang chúng tôi thấy hơi mệt, bèn rủ nhau vào nghỉ dưới bóng những cây « cốc » to lớn.

— Một người nông-phu đi ngang đấy. Bạn tôi vẫy đến trò chuyện, rồi hỏi :

— Anh tên gì ?

— Tôi tên là Trà-X...

— Nhà ông tộc-trưởng của anh ở đâu đấy ?

→ Trên xóm kia.

— Trên tháp mấy lúc này có gì lạ không ?

— Hiện có bọn du-côn ở trên ấy.

Tôi ngạc-nhiên. Bọn tôi, ý chừng ở Quảng-nam lâu nên hiểu được ít nhiều ngôn-ngữ và cử-chỉ của dân miền này, ngó tôi mỉm cười rồi nói tiếp :

— Tụi du-côn ấy thế nào ? Chúng nó đã giết mấy người rồi ?

— Họ nắm gậy, đội mũ, mặc quần áo cụt. Họ tử tế, có giết ai đâu. Kia kia hai thằng đang đi đâu xa...

Chúng tôi trông theo ngón tay của anh chàng họ Trà ấy, thì thấy hai anh hướng-đạo đang đi khiêng nước dưới khe ! Xin lỗi các anh hướng-đạo hôm ấy đã niềm nở tiếp chúng tôi tại Đồng-dương chắc hẳn các anh cũng không ngờ rằng đã được dân gian vùng này gọi bằng một danh hiệu lạ lùng như thế...

* * *

II — Tinh-xá Indrapura. — Theo một người mộ-đạo tượng.

Năng giới trên cát, trên ruộng, trên cây cối. Đất vàng này xem chừng không tốt lắm ; nhà cửa thưa thớt, nước thì có ít, Sông Ly-ly ẩn mình tận đằng xa. Nếu khôn có những đồng gạch dưới chân chúng tôi, và, trong vòm cây gần lấy, thấp thoáng nét đỏ chói của tháp, đèn, đương độ với màu xanh, lục của vòm cây là ngọn, thì cũng khó tưởng tượng được rằng, hồi trước tại đây là một đô-thành phồn-thịnh, nhà cửa chi chít đông-đúc. Các nhà ở Chiêm-thành phần nhiều làm bằng gạch không được chắc chắn như tháp ; tự trung lại có nhà làm bằng gỗ cất trên nền gạch, nên sau khi trải qua bao nhiêu cuộc chiến bại, mấy lần bị thiếu đốt, nay không còn một cái nào cả. Chỉ duy tinh-

xá đền thờ Phật Laksmindra Lokevara, quy-mô to lớn đồ sộ thì còn chịu được với thời-gian, hiện đang giấu quang-cảnh điêu-tàn thế-lương trong các vòm cây um-tùm trước mặt chúng tôi.

Tuy mãi theo đuổi các ý nghĩ ấy, chúng tôi vẫn thấy ngưỡng ngưỡng sau gáy, và có cảm-giác rằng gần đâu đây, gần lắm có người đang rình chúng tôi. Thì kia, trong bụi rậm một ông Hộ-pháp (Dvarapala) bằng đá to gấp hai chúng tôi, bị chôn nửa người đang vùng vẫy, trợn mắt, bênh mũi, cố rút mình ra khỏi gạch và dây cỏ vắn-vít chung quanh để tiến đánh chúng tôi. Trong lúc dùng sức quá mạnh hàm răng lớn lòi ra ; miệng há toát thắm mấp tai hình như đương hét với chúng tôi.

— « Bọn này còn đến đây làm gì nữa, bỏ quân Yavana (2) ác nghiệt kia ? »

Chúng tôi vừa quay đầu, tránh cặp mắt gợn dữ ấy, thì trong lá phía bên phải, lại bị cặp mắt khác với dáng điệu hung hăng ấy vờ lấy chúng tôi. Ông Hộ-pháp này cũng to lớn như ông kia, khỏi bị chôn nửa người dưới đất.

Thực không vì não lòng bằng điệu bộ hai ông Hộ-pháp to lớn dữ-tợn ấy đang đứng giữ một đồng gạch nát, đất lán, rêu phong, cỏ phủ. Bất giác chúng tôi nhớ đến bài thơ cổ :

« Ông đứng làm chi đây hỡi ông ?

« Trơ trơ như đá vững như đồng

« Đêm ngày gìn-giữ cho ai đó ?

« Non nước voi đây có biết không ? »

Kể ra non nước voi đây đã nhiều lần mà tang-thương biến-đời cũng lắm bận. Lối mòn cỏ mọc trước mặt chúng tôi khi xưa là

con đường lát gạch rộng rãi, hai bên, trong những quán xá tấp-nập, các cô Chiêm-nữ tuyệt mỹ, thân hình thơm những long-não và xạ hương, uyển-chuyển trong những cái kama ngũ sắc, đang vui vẻ tươi-cười bán cho kẻ mộ-đạo đi dâng hương, những cái tượng thần nho-nhỏ. Hết con đường ấy, châu hai bên cửa chính đồ-sộ của tinh-xá là hai tháp-trụ cao chót-vót có những đường ngắn tròn. Nom qua tháp-trụ và cửa chính ấy, thì kẻ mộ-đạo bất giác cúi đầu vì đã thấy được không biết bao nhiêu đền tháp nguy-nga tráng-lệ. Kẻ mộ-đạo khép-nép dưới bầu tia mắt của hai ông Hộ-pháp khổng-lồ mà lách mình qua cửa chính để đi trên một con đường gạch ép giữa hai hàng vách cao của tu-đạo viện.

(Còn nữa)

MÃN KHÁNH DƯƠNG KÝ

[1] Theo một cái bia ở Đồng-dương thì vào cuối thế kỷ thứ IX nước Chiêm-thành đóng đô tại đó. Nhưng đã có nhà học giả nghĩ rằng không biết nước Chiêm-thành về thời ấy đóng đô tại Đồng-dương hay Trà-kieu (Sinhapura). Về vấn-đề này ông Pison nói :

« Không có một tài-liệu gì cho ta kết-luận rằng vua Chăm đã có một kinh-đô gọi là Sinhapura. Tên này chỉ thấy nói trong bi-văn ở Mỹ-sơn, nhưng hết-sức mù-mờ, trừ ra đoạn có chữ krau Sinhapura, chỉ rằng Sinhapura hồi ấy ở trên bờ một con sông (krau) (sông ấy là sông Thu-bồn : lời chú của dịch-giã). Trại lại, ta rất chắc-chắn rằng về cuối thế-kỷ thứ IX, kinh-đô nước Chiêm-thành là Indrapura. Nhưng chẳng may cái bia ở Đồng-dương cho ta biết điều ấy lại quả-quyết thêm rằng kinh-đô Indrapura ấy ở « đây », nghĩa là tại Đồng-dương ; nhưng di-tích ở Đồng-dương lại không phù-hiệp với cảnh kinh-đô Chăm mà người Tàu đã tả ; trái lại Trà-kieu thì đáng với cảnh ấy lắm. Ta có thể bảo một cách dung-dĩ như thế này chăng : chính là vậy, chứ không phải kinh-đô Chăm đã dời chỗ. Nếu như bia ấy đã bị đem từ Trà-kieu đến Đồng-dương, thì vấn-đề này không còn gì khó khăn nữa » (Introduction à l'étude de l'Annam et du Lampa, của J. Y. Claeys trang 22, 23).

[2] Yavana là người Việt-Nam.

Luận về tư-duy (Tiếp theo trang 16)

ra, vũ trụ cũng phải bất di bất dịch. nếu cây cỏ mỗi lúc thay đổi thì ta biết trồng giống nào và không trồng giống nào? Trồng một cây lúa có chắc được ăn lúa thì ta mới trồng. Nếu trồng lúa mà đến lúc gặt chỉ có khoai, hay ngô, hay cỏ hoang, rau độc, thì chúng ta sinh tồn sao nổi! Vũ trụ lúc nào cũng phải giống lúa: nào: vũ trụ phải bất di bất dịch, vũ trụ phải đồng nhất (identique). Bạn đọc sẽ thấy trong hai mươi thế kỷ, đồng nhất nguyên tắc đó giữ một địa vị quan trọng đến bậc nào trong tư tưởng triết học.

Nhưng, tuy cần đến sự đồng nhất như thế, người xưa cũng đã nhận thấy những sự thay đổi. Thì nhìn quanh ta, nơi chốn nào là không thấy thay đổi: lúa khi trồng với lúa khi gặt không giống nhau. Trời hôm nay với trời hôm qua không giống nhau. Sự thay đổi ấy có thể làm cho những hành động của ta trở nên vụng về và lúng túng nếu ta không tìm cách tiên liệu. Tiên liệu nghĩa là biết rõ rằng một vật gì bây giờ ở đâu lúc này đã ở đâu và chốc nữa sẽ ở đâu. Không những thế, tiên liệu còn nghĩa là biết rõ rằng một vật gì bây giờ thế nào, lúc này đã thế nào và chốc nữa sẽ thế nào. Trí óc ta cần sự chuyển biến thành nhiều khoảnh khắc thật nhỏ: trong mỗi khoảnh khắc nhỏ ấy sự vật không chuyển biến. Chúng ta « biết » sự vật không khác gì một chiếc máy ảnh, hay đúng hơn một chiếc máy quay phim. Trí óc chúng ta ghi sự thật không khác gì trên những cuộn phim chớp bóng: đó là một hàng dài những hình ảnh không động-đậy. Nhưng ghép những hình ảnh đó bên nhau, ta thấy chuyển biến.

Tóm lại, tư-duy của ta chỉ nhìn thấy trong vũ trụ những cái *riêng biệt và không thay đổi*. Trí khôn của ta chỉ biết rõ cái « *tĩnh* » vì chúng ta chỉ hoạt động được có kết quả trong những gì có tính

cách « *tĩnh* ». Giữa những cuộc chuyển biến, ta bối ngỡ và lúng túng: ta chỉ bình tĩnh và yên tâm khi sống trong một vũ trụ mà ta coi là đồng nhất.

Tính cách quan trọng đặc biệt của tư-duy là chỉ biết đến sự đồng nhất.

*

Đời sống chung đụng trong xã hội lại làm tăng sự quan trọng của tính cách đó lên một bậc nữa. Thực vậy, nói đến xã hội là phải nói đến giao thiệp: sống bên nhau, người ta không thể đứng-đứng với nhau được. Muốn cộng tác với nhau, phải hiểu nhau đã. Nhưng hiểu nhau là một vấn đề rất khó giải quyết, đối với người thời xưa.

Ta không nói đến những sự hiểu nhau sâu xa hay đậm thắm, vì người xưa chưa biết hưởng cái thú « *tinh thần* » của những linh hồn muốn hòa hợp trong một giây phút, hay trong suốt một cuộc đời. Ta chỉ nói đến mặt sự hiểu nhau thô sơ và giản dị: hiểu nhau theo nghĩa biết những ý muốn của nhau. Ngày nay muốn hiểu nhau như vậy, chúng ta có một phương pháp rất công hiệu: *nhờ nói*. Nhờ nói là để dùng để hé mở tâm hồn ta cho người khác nhìn thấy một đôi phần. Nhờ nói cũng hé mở tâm hồn người khác cho ta thấy nữa.

Nếu ta đem xét kỹ tiếng nói của khắp các giống người, ta thấy những nhờ nói cũng chỉ diễn tả được những sự vật *tĩnh*, như trí khôn của chúng ta. Và cũng như trí khôn, nhờ nói cắt xén vũ trụ thành những phần *riêng biệt* và *im lìm*. Chứng thực và giảng nghĩa đều đó không có gì khó.

Ta nói cái cây và quần bút hình như là bút không làm bằng gỗ và gỗ không lấy ở cây ra, ta nói vật chất và tư-tưởng hình như là tư tưởng không có liên lạc gì đến vật chất. Gọi tên một vật gì tức là tách *riêng* vật đó ra khỏi tất cả những gì có liên lạc đến nó. Nói là phân tích vũ trụ.

Nói là cắt nhỏ sự-thật ra làm nhiều mảnh riêng biệt.

Những mảnh đó không những riêng biệt trong không gian, mà còn riêng biệt trong thời gian nữa. Riêng biệt trong không gian nghĩa là khác nhau, cách xa nhau, không có liên lạc với nhau. Riêng biệt trong thời gian nghĩa là không thay đổi, không chuyển động. Khi ta nói đến con bò chẳng hạn ta nói đến một con bò lúc nào cũng có hai sừng, một yếm, bốn chân v.v.v...

Trong tiếng con bò không có ngụ một ý thay đổi từ bé đến lớn, hay thay đổi, từ xứ này sang xứ khác.

Nhờ nói đóng chặt sự vật lại, cũng như trí khôn. Nhờ nói khiến ta nghĩ rằng vũ trụ không lúc nào thay đổi, hay ít ra cũng có một bề trong bất di bất dịch. Trước mặt ta kia đang có một cây đào. Cây đào đó dù thay đổi lúc nào cũng vẫn là một *cây đào*: bên trong sự thay đổi có một cái gì không thay đổi: vũ trụ cũng vậy, có một bề trong không chuyển biến.

Tóm lại, nhờ nói, cũng như trí khôn, chỉ biết đến những gì riêng biệt (isolé), không thay đổi, những gì **ĐỒNG NHẤT** (identique). Vì vậy nên, nếu không có một kinh nghiệm già-giận, tư-duy tưởng rằng chính vũ trụ bên ngoài có tính cách *đồng nhất* thực.

(Hết)

NGUYỄN ĐÌNH THỊ

Trích trong: « Triết học khái luận » — Một kỳ sau: *Luận về sự chuyển biến*.

(1) L'intelligence envisagée dans ce qui paraît en être la démanche originelle, est la faculté de fabriquer des objets artificiels, en particulier des outils à faire des outils, et d'en varier infiniment la fabrication.

(L'évolution créatrice)

(2) « C'est comme une immense étoffe où nous pourrions tailler ce que nous voudrions pour le recoudre comme il nous plaira »

(Bergson: L'évolution créatrice)

Sau «đêm hội Long-trì»

là thiên tiểu-thuyết lịch-sử sắp đăng hết, Tri-Tân sẽ công bố các bạn đọc qui mến hai món quà rất lý-thú và rất ly-ký :

1. **Vũ như-Tô**, kịch lịch-sử của *Nguyễn Huy-Tường* (Tả rõ cái say sưa, lòng yêu nghệ thuật của Vũ-Như-Tô, người có thiên-tài về khoa kiến-trúc ở đời vua Lê Tương Dực. Độc-giả nhân đó sẽ thấy cái cớ tại sao nước ta ngày xưa thiếu những kiểu lạ mẫu khéo về nghệ kiến-trúc, thua kém các nước láng giềng về phần đẹp đẽ hùng tráng của các đền, đài, chùa tháp, v. v.)

2. **Cháy cung Chương-Vô** tiểu-thuyết của Chu-Thiên.

(Rồi sau Trần Thủ-Độ làm thế nào mà thống nhất được thiên-hạ? Hai nhà tráng-sĩ để vương Nguyễn Nộn và Đoàn-Thượng vì đâu mà thua tan?

Tất cả sẽ thấy diễn ra-trong cuốn **Cháy cung Chương-Vô** mà vai chính Đoàn công tử tức Đoàn-Văn con Đoàn Đồng hải đại vương sẽ cho ta biết những hành động những xử sự phi thường và vô cùng cảm động.

XIN CHÚ Ý

Nhà in, ty Trị-sự và tòa soạn Tri-Tân đều đã dọn cả lên số nhà 95, 97, phố Chancéaulme Hanoi. Các bạn cần hỏi ql xin biên thư cho.

Ô. NG. > T. JONG-PHUONG
chủ-nhiệm tạp-chí và
giám đốc nhà in Tri-Tân

Cùng các bạn làng văn

Chúng tôi có nhận xuất bản các sách thuộc về các loại :

1. Khảo cứu (sử học, văn học, triết học).

2. phiên-dịch (cổ, kim, đông, tây)

3. tiểu thuyết lịch sử, sách thanh niên v. v...

Trong khi chờ các bạn cùng chúng tôi cộng sự trong việc bồi bổ văn hoá này, chúng tôi xin phép trình bày trước các tác phẩm đã viết.

Chúng tôi sẽ lần lượt cho xuất bản :

I — **Quan Thám kéo vó** (loại thanh niên) của Tiên-Đàm-
Nguyễn-tường-Phượng

II — **Thơ ngụ ngôn La Fontaine** (văn dịch) của
Cách-chỉ;

III — **Quang-Trung** (lịch sử ký-sự) của Hoa-Bằng

IV — **Đêm hội Long-trì** (lịch sử tiểu-thuyết) của Nguyễn-
huy-Tường

V — **Bắc-ninh địa-chí** của Nhật-Nham Trịnh-như-Tấu và
Tiên-Đàm; Nguyễn-tường-Phượng

Các họa sĩ: *Trịnh Văn, Nguyễn Văn Ty và Phạm gia*
Giang sẽ trông nom giúp về phương diện mỹ-thuật.

Vậy mong các bạn làng văn hưởng ứng với chúng tôi trong công việc xuất bản này Xin cảm tạ.

TRI-TÂN

T. B. Các hiệu sách muốn nhận sách của Tri-Tân xin có thể ngay từ bây giờ viết thư thương lượng.

Một buổi hội họp của các nhà Thương-mại và Kỹ-nghệ

Đến 24 Aoút 1943 này hội Truyền Bá học quốc ngữ sẽ mời tất cả các nhà Thương-mại và Kỹ-nghệ họp đề chào đời ý kiến và nghe ông Nguyễn-quý-Hùng, nguyên giáo sư trường Bảo hộ, nói chuyện về: «Việc phổ-cập giáo-dục Bình-dân tại Đông dương».

Các nhà Thương-mại và Kỹ-

nghệ! Các ngài vốn là các vị ưa hoạt-dộng, giàu lòng từ thiện, xin hưởng ứng công việc của hội T. B. Q. N. đến họp cho đông để khuyến-khích một việc làm có ích. H.T.B.Q.N.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

NAM-ĐÀN BÁT CHÂU TỤC-THAO

(Lối thơ tân-thành-lập)

Tác-giả : Tùng-Vân đạo-nhân

XXXII

Vịnh Lương-Khải-Siêu

(Thơ soạn)

*Ôi ! phương Bắc, kẻ giai-nhân tuyệt-thế
Vốn con nhà lâm vế, nghiệp nho sinh !
Tài Áu, Á, bút tung hoành,
Cầu văn phong-vũ ; khởi lĩnh hải tang.
Nghĩa lập-hiến, tìm đường phương-liện ;
Chữ tân-dân, mỗi miếng hô-hào.
Thu phong, phẩm-giá càng cao,
Cúc phương, lan tú, ai nào nữ quên.*

Chú-thích

Lương-Khải-Siêu : Tự Trác - Như, người Quảng-dông, học trò Khang-Ilưu-Vi, nổi tiếng về triều Mãn-Thanh, nam Quang-tự ; đời gọi Khang, Lương.

Giai-nhân : Hát-nói cổ : « Bắc-phương hữu giai-nhân, tuyệt-thế nhi độc-lập, giá đã nên nhất tiểu khuynh thành. » Nay mượn chữ giai-nhân ấy để ám-chỉ Lương.

Tám vế : Tinh nghĩa tám vế, lối văn-chương Bát-cổ, tức là lối học khoa-cử cũ, Khang từng hội-thí ở Bắc-kinh, đỗ Tiến-sĩ, Lương từng hương-thí ở Quảng-dông, đỗ Giải-nguyên. Khang, Lương lại chính là người bắt đầu hô-hào Trung-hoa, cái-cách lối khoa-cử ấy khiến cho thích-hợp với thời-đại.

Tài Áu, Á : Trung-hoa tự hồi Quang-tự sau này, đã biến-thành trường-hợp Áu, Á đua-chen, quốc-thể mười phần khác xưa, Lương tiên sinh tài-lực học thức, tân-cựu đều yêm-bác tinh thông, rất thích hợp về hai cái văn-minh Áu, Á buổi đầu bờ ngõ tiếp-xúc nhau.

Bút tung-hoành : Bút trạn tung-hoành, nói cách cục làm văn ; tung-hoành nghĩa là dọc ngang cũng như nói chính với kỳ. Tống thi : « Tung-hoành lễ nhạc tam thiên tự ».

Cầu văn phong-vũ ; Văn Lương phần nhiều tả về trạng-thái Á vũ, Áu phong. Cổ-thi : Bút đoạn phong vũ giá vân đào ».

Khởi lĩnh hải tang : Xương-hải tang-diễn, nói thời cục Trung-hoa biến đổi mau chóng quá, quốc sự rối loạn, Lương vốn nhiệt-tình cứu quốc, lịch-sử Lương lại là lịch-sử thất bại. Hồi Dân-quốc sau này, Lương mất ở Thiên-tân, cũng chưa được trông thấy kết quả hay. Truyện kiều : « Nợ tình chưa trả cho ai, khởi tình mang xuống toàn-đài chua tan ».

Nghĩa lập-hiến : Tức chữ-nghĩa bảo-hoàng khác với chủ-nghĩa dân-quốc.

Đường thuận-tiện dễ đi, có thể tiên-bộ được mau chóng.

Chữ tân - dân : Lương, khi cuộc duy-tân ở Trung-hoa thất-bại, đồng-độ Nhật-bản, lại tổ-chức cuộc Tân dân từng-báo, đề hô-hào về chủ-nghĩa trước.

Cúc phương, lan tú : Bài Thu-phong từ của Hán Vũ-đế : « Lan hữu tú hề cúc hữu phương, hoài giai-nhân hề bất năng vương » Giai nhân cũng như hiền-nhân. Nay nói « thu-phong » để ám-chỉ thời thế Lương, nói « lan cúc » để ám-chỉ phẩm-giá Lương và kết thúc ý nghĩa chữ « giai-nhân », (Bài thơ này nên tham khảo với bài « Bàn về nhân vật Lương-khải-Siêu » trong tạp chí Nam-phong. Vì tác giả hồi làm dự biên tập Nam-phong đã từng có thảo ra bài luận ấy để cống hiến độc-giả)

XXXIII

Phú-đắc « Nghề chơi cũng lắm công phu »

(Thơ soạn)

Trong thiên hạ cũng nhiều nghề đó nhĩ ;

Đường công-phu ta hăng kẻ nghề chơi.

Phong, hoa, tuyết, nguyệt trên đời,

Ấy ai thi, họa, ấy ai cầm, kỳ.

Người hay thuốc, phải dứt tay khi nếm cỏ ;

Kẻ ăn sim, chằm lựa quả thủa vào rừng.

Chẳng xem nghề Đỗ-Thiếu-Lăng :

Tinh-tế đã từng, hoành dật ai đang ?

Chú-thích

Phong, hoa, tuyết, nguyệt : Truyện Kiều : « Đòi phen gió tựa hoa kề. Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu ».

Cầm, kỳ, thi, họa : Truyện Kiều : « Đòi phen nét vẽ câu thơ. Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa ».

Đứt tay : Phương ngôn : « Đứt tay mới hay thuốc ».

Nếm cỏ : Cổ sử : « Vua Thần-Nông nếm trăm thứ cỏ ». Đứt tay và nếm cỏ là nói có công phu học tập và thí-nghiệm.

Ăn sim lựa quả : Phong-dao : « Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh. Quả chín thì hái quả xanh thì đừng » Là nói có công phu tìm hái và lựa chọn.

Nghề Đỗ-Thiếu-Lăng : Tức nghề thơ. Tống Chu-Hối-Am phẩm-bình thơ Đỗ-Thiếu-Lăng : « Sơ-niên rất tinh-tế, văn niên hoành-dật chẳng ai đang » Là nói đề-công phu về đường tinh-tế rồi mới tiến bộ vào cõi hoành-dật. Đỗ-Thiếu-Lăng còn như vậy, huống chi người khác ư.

(sẽ tiếp)

Hà-dông, HI-ÁN-THI

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 3

MINH-TUYỀN

Đàn-tuần-lộc ruồi-giong đường hương Bắc,
Lũ voi già, sư-tử kéo về Nam.
Núi hiểm-trở, non cao rừng xam đặc,
Giới tà-huy, ử-dột gió mây ngàn.

Bãi sa-mạc giải dài như bề lạng,
Nồi sóng yên nhô-nhấp nổi chân giới.
Làn nước đứng, nâu hồng pha tím trắng,
Chở đoàn tàu ốc-đảo lá xanh tươi.
Rồn-rập lại tự thiên-biên xa tít,
Lớp hắc-ba tung bụi hóa mây vàng,
Ồ-ạt tiến thẳng trông miền núi biếc
Cỏ-chà-là, thốt-nốt bọc trường-giang.
Ấy trăm vạn lạc-đà một hai bướu,
Vời ngựa vằn, tê-giác, đại-tinh-tinh,
Hợp đoàn-thể cùng hồng-hạc, đà-diêu,
Ngao-du ngoài biển cát rộng mông-mênh.

Ôn đới xứ, tùm-um rừng trắc-bá,
Bạch-dương lâm, thấp-thoảng bóng anh-đào.
Lần chuối tuyết, tóc mây buông lỏa-xõa,
Lách màn sương, thác gió chảy ào-ào.

Bình minh lại, báo tin ngày khánh-hạ,
Mở kho vàng, gieo-rắc khắp non sông.
Trái đất ngập ánh huy-hoàng mới lạ,
Phủ sương mờ lóng-lánh tuyết hung hồng.
Gió thoang-thoảng xe hương, truyền khoái-trá,
Vuốt doanh-hoàn chói-lọi ngọc lung-linh,
Mang ấm-áp sưởi hun miền lạnh giá,
Chở tiết xuân, quạt mát nóng khô cành.
Trong veo-veo giải phơi lòng biển lạng.
Quyện thiêng-liêng mây khói đỉnh non mờ.
Khảm thạch-bích nhấp-nhò đồi cuội trắng.

Nam kim-cương loáng-nhoáng ngọn rừng tơ,
Muôn tinh-tử xa-xăm cùng tấu-nhạc,
Vời thái-đương ca-vũ khúc hân-hoan.
Vang vũ-trụ nhịp du-đương hỷ-lạc,
Lắng tai nghe, vạn vật chốn trần-gian,
Bồng lão-đào say-sưa, rồi nhập diệu,
Như mê-mạn, cuồng-sảng, nổi cơn điên,
Như thúc-giục bởi bàn tay linh-diệu,
Như vâng lời dị khiêu, lệnh thiên-nhiên.
Trong bụng đất reo sôi âm-y tiếng.
Rộn rừng hoa, cây cỏ mùa lung-bừng.
Thủ chày nhầy, găm vui, chim hót liêng.
Sao đàn sâu, nhị dễ họa vang lừng.
Bể đang tĩnh, cá reo ung bọt sóng
Bắn lên mây, gió cuộn, kéo về non,
Lôi xuống núi, lửa phun, toang cửa động,
Đón vào hang, khói tỏa, cột hơi dùn.
Quang-cảnh lạ ngày muôn loài hoạn-chiến
Ở địa-cầu lộng-lẫy vẻ hoang vu,
Ngày Thủy-Tổ giống người ta xuất-hiện
Giữa vòng trời chìm bỗng nhạc hoan-hô !

VI

VII

Hỡi Tạo-Hóa, đáng ân-nhan bất diệt,
Vị tuyệt-luân kinh-dịch đáng tôn-thờ
Của Nhân Loại mê bay tìm siêu-việt,
Phá tung vòm xanh thăm mộng say sưa !
Ngài khảng-khít với người tình sư đệ,
Vĩ như thay dậy võ nặng hy-sinh,
Sau khi xét môn đồ đã thiện-nghệ,
Hiển thân làm đối-tượng thử thông tinh,

(Còn nữa)

M. T.

Đại-Nam Dật-Sử

(Tiếp theo trang 8)

bấy giờ đi đánh Lâm-ấp). Nguyên cha con Lý-Tồn là người dũng tráng, có quyền-lực, oai dật đất Nam, nghe thứ-sử là Đặng-độn. Chỉ sắp đến, mới sai hai con chặn các chỗ hiểm - yếu đường thủy đường lục để chống-cứ.

Mùa thu, tháng bảy, năm tân-tý (381), thái-thủ Giao-chỉ là Đỗ-Viện cất quân đánh Lý-Tồn, chém được, bờ cõi châu Giao lại yên. Nhà Tấn thăng Đỗ-Viện làm Long-nhượng tướng-quân. Đến tháng ba năm kỷ-hợi (399) vua Lâm-ấp là Phạm-hồ-Đạt (Bhadravarman I, 380-413; xem Georges Maspero, *Le royaume de Champa*, trang 61-64 vào cướp Nhật-nam, bắt thái-thủ là Đinh-Nguyên, rồi tràn vào Cửu-đức bắt thái-thủ là Tào-Bình: Đỗ-Viện sai đốc-hộ là Đặng-Dật đi đánh, phá được. Nhà Tấn liền cho Đỗ-Viện làm thứ-sử châu Giao. (Sử Tống, sử Lương và quyển *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu* đều chép năm Long-an thứ ba (399) thăng Đỗ-Viện làm thứ-sử về việc đánh được Lâm-ấp; *Đại-Việt sử-ký*, tiền-biên và toàn-thư, chép vào năm Thái-nguyên thứ sáu (381) về việc đánh Lý-Tồn, thì nhầm (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 22 b).



Đỗ Viện làm thứ-sử Giao-châu được hơn mười năm. Đến khi mất, con thứ năm là Đỗ-tuệ-Độ nối chức.

Tháng tư nam tân-hợi (411) hiện Nghĩa-hy thứ bảy đời Tấn An đế, giặc nhà Tấn là Lư-Tuần chạy đến ở Giao-châu. Nguyên-Lư-Tuần theo Tôn-An làm phản.

Ăn chết, "Tuần" đầu hàng với nhà Tấn: nhà Tấn cho làm thứ-sử Quảng châu (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 23 a, và *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 4, tờ 15 a; còn *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 4, tờ 9 a, và *An-nam chí-nguyên*, quyển 3, trang 176, chép Lư-Tuần làm thái-thủ Vĩnh-gia).

Đến năm 411, lại làm phản, bị tướng của Lư-Dụ là Lư-phiên đánh. Lư-Tuần thua, chạy sang Giao-châu. Lúc bấy giờ Đỗ Viện đã mất, vua Tấn cho con là Đỗ-tuệ-Độ lên thay làm thứ-sử. Chiếu chưa tới nơi, Lư-Tuần đã đánh úp, phá được Hợp-phố, lại đi tắt đến châu Giao. Đỗ-tuệ-Độ đem quan văn võ ở châu phủ sáu nghìn người (chép theo *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 4, tờ 15 b) chống nhau với Lư-Tuần ở trấn Thạch-ý, phá được. Dư-chúng của Lư-Tuần còn hai ba nghìn người. Lại có con cháu của Lý-Tồn là Lý-Dịch, Lý-Di và Lý-Thoát họp-tập những lái lão (man-di) hơn năm nghìn người đề tiếp ứng Lư-Tuần, vì thế Lư-Tuần mới đến được bến dò phía nam thành Long-biên.

Trong khi ấy Đỗ-tuệ-Độ đem hết gia-tài để làm lương cho quân-sĩ. Em là Tuệ-Kỳ làm thái-thủ Giao-chỉ, Chương-Dân làm thái-thủ Cửu-chân, đều đốc-thúc quân thủy quân bộ tiến đánh. Đỗ-tuệ-Độ tự lên mũi thuyền đánh nhau với Lư-Tuần, ném được đuôi trĩ (trĩ-vĩ đốt cháy thuyền của Lư-Tuần, đem quân bộ giáp bờ bắn xuống. Thuyền của Lư-Tuần cháy, quân tan; Tuần bị trúng mũi tên, nhẩy xuống sông chết. Đỗ-tuệ-Độ sai vớt thây, chém đầu, và

chém cả cha Lư-Tuần là Hồ cùng lũ Lý-Thoát Lý-Dịch đóng hòm đưa về Kiến-khang (chép theo *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 4, tờ 16 a, và *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 23 a-b).

Năm quý-sửu (413), vua Lâm-ấp là Phạm-hồ-Đạt (Bhadravarman I) lại vào ăn cướp-Cửu-chận. Đỗ-tuệ-Độ đánh phá được, chém con nó là Giao-long vương Yên-tri (có âm nữa là Nhân-tri, hoặc Kê-tri) và tướng là lũ Phạm-Kiến, bắt sống được đưa còn nữa là Na-năng và hơn một trăm giặc chàm.

Đến tháng bảy năm canh-thân (420), là năm Nguyên-hy thứ hai đời Tấn Cung-đế và năm thứ nhất đời Tống Vũ-đế, Đỗ-tuệ-Độ lại đánh Lâm-ấp, được to, giết hại quá nửa. Lâm-ấp xin hàng, nộp voi lớn, vàng bạc và của báu rất nhiều. Đỗ-tuệ-Độ tha những tù binh Chàm, cho về cả, rồi sai trông-sử là Giang-Du dâng biểu báo tin được trận với nhà Tống.

Đỗ-tuệ-Độ khi ở châu, mặc áo vải, ăn cơm rau, cấm đền thờ dâm-thần, sửa trường cho dân học; năm đói lấy lương riêng (tư-lộc) phát-chăn cho người nghèo. Chính-sự tiêm-tất, như làm việc nhà: quan dân vừa kính sợ, vừa yêu-mến. Cửa thành đêm mở, ngoài đường không ai nhốt cửa rơi. Đến khi mất vua nhà Tống tặng chức tể tướng-quân, cho con trưởng là Đỗ hoằng-Văn làm thứ-sử Giao-châu (chép theo *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 4, tờ 16 b, và *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 24 b và 25 a).

Khi Tống Vũ-đế đánh phía bắc Đổ-luệ-Độ có xin cho Đổ-hoảng-Văn chức hành thái-thủ Cửu-chân (trống ~~Ky~~ đi đánh giặc được ~~lĩnh~~ chức thì gọi là hành) Vào khoảng năm 421 - 422 Hoảng-Văn nối chức của cha, cũng là người khoan-hòa, được lòng dân, tập tước Long-biên-hầu.

Tháng tư năm đinh-mão (427), hiệu Nguyên-gia thứ tư đời Tống Văn-đế, vua Tống vời Hoảng-Văn làm chức đình-úy, cho Vương-Huy sang Giao-châu làm thứ-sử (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, quyển 4, tờ 10 a, chép là Vương-huy-Chi).

Lúc bấy giờ Hoảng-Văn bị bệnh, vịn vai người nhà để lên xe sang Tàu. Có người khuyên đợi bệnh khỏi hãy đi, Hoảng-Văn nói: «Ta ba đời giữ cơ tiết ở đất này, thường vẫn muốn thân-hành sang đế-đình, mà chưa được dịp nào, huống chi nay được dịp vua vời, mà không đi ngay hay sao!» Bèn cứ đi; giữa đường mất ở Quảng-châu (chép theo Khâm-định Việt-sử, quyển 3, tờ 25 b).

(Còn nữa)

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỔ

CÙNG CÁC BẠN :

Muốn hỏi về nhà in hay tòa báo xin đến 95 — 97 phố Chanculme Hanoi

Còn hỏi về việc riêng xin đến nhà tư của tôi ở 70 phố Bạch mai buổi trưa hoặc buổi tối.

Hoa nam PHAN-XỸ-NÔNG

Giới thiệu

I. — Cuộc tiến hóa văn học Việt nam của Kiều Thanh Quế.

Chúng tôi vừa nhận được cuốn sách đỏ của tác giả gửi tặng (do nhà Đời Mới xuất bản giá 2\$20).

Sách có 6 thiên và mỗi thiên có từng mục. Cuối sách thêm phần phụ lục.

Thoạt đầu tác giả nghiên cứu về chữ Hán và thời kỳ chữ Hán thịnh hành ở nước ta với các danh nhân các đời Lý, Trần, Hồ, Lê, Nguyễn. Sau khi bàn về chữ nôm và chữ quốc ngữ, tác giả đặt câu hỏi: Tại sao văn-học quốc ngữ chậm tiến bộ? Rồi ông bàn đến cái đặc tính của nền văn hóa Đông Tây với hai quan niệm văn chương: I — Lý-trí, Trục-giác. II — Phồn-thông, Diễn đạt.

Đến thiên cuối, tác giả luận đến cái đặc tính của Hoa văn và Pháp văn với hai tinh thần khúc chiết và đại-dồng.

Đọc hết cuốn sách, tôi thấy tác giả đã tốn nhiều công khảo cứu. Và ở hầu hết các mục, tôi cảm thấy sự cố gắng của tác giả trong sự diễn đạt tư tưởng mình một cách minh bạch và gọn ghẽ.

Thật là một cuốn sách có thể giúp cho những ai muốn biết tới sự tiến hóa của nền văn học nước nhà « qua bao nhiêu biến thiên, chi phối bởi các cuộc cách mệnh giữa bút lông và bút sắt. »

Cuốn sách của ông Kiều đã trình những « nhận xét mọc mọc về Quá khứ và Hiện tại » Chúng ta cũng nên đọc cuốn đó để nhận xét các điều tác giả đã trình bày mà mong vào nền văn học nước nhà một tương lai rực rỡ.

MẠNH PHAN

II. — Phạm Thái của Phan Khắc-Khoan giá 2\$10.

Chúng tôi không cần phải rườm lời giới thiệu cuốn kịch dài-bằng thơ ấy của tác giả mà các bạn đọc đã có nhiều dịp thưởng thức ở trên trang báo này.

Chúng tôi chỉ nói thêm rằng ngoài các đoạn đã đăng trên Tri-Tạp, tác giả đã cho in những đoạn chưa đăng báo bao giờ.

Cuối sách tác giả lại không quên hiện chúng ta mà trích những văn thơ nhẹ nhàng trong cuốn Quỳnh như (tức Phạm Thái II) của tác giả sẽ cho xuất bản nay mai.

Các vở kịch bằng thơ của ông bạn Phan khắc-Khoan đã được nhiều tỉnh trong ba kỳ đem lên sân khấu.

Chúng tôi vui lòng giới thiệu cuốn sách của ông với các bạn đọc.

MẠNH PHAN

Đón coi

1) Huyện Thọ-xương với thành-phố Hà-nội (có kèm bản đồ)

Biệt-lam TRẦN HUỖY-BÁ

2) Ngõ-thi-Nhậm...

SÔNG-BÀNG

Đón coi

Tác phẩm viết bằng phu viết của NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

Hơn 500 trang. In đẹp

Bản thường: 5\$00

Gấy quý: 20\$00.

Nhà xuất bản

Anh Hoa

69-Rue du Charbon-Hanoi

Thư và tiền gửi đến

ô. Mai-văn-Phúc

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 30

NGUYỄN HUY TƯỜNG

— Mẹ ở ? Hạnh mới ra, chưa kịp về phủ. Nghe chuyện con Quỳnh-Hoa, mẹ đến ngay phủ Đặng-Lân đón nó về...

Thái-phi lấy khăn lau nước mắt, rồi hỏi tiếp :

-- Sao con lại đại dột thế? Mẹ không hiểu con nghĩ ra sao cả! Con đã biết chưa? Con Quỳnh-Hoa ốm thập lử nhất sinh, người chỉ còn có da bọc xương, nó có tội gì mà con đầy-đọa nó thế? Mẹ ra chạm một chút thì có lẽ không kịp nhìn mặt nó nữa!

Thái-phi lại khóc. Chúa lặng yên không nói một câu nào. Một hồi lâu Thái-phi lại hỏi :

— Con nghĩ thế nào mà lại gả con cho một đứa vô lại? Mẹ tưởng con nên giết con Quỳnh-Hoa đi còn hơn, đạo làm cha có ai lại thế?

Thái-phi đã mấy lần định nói Tuyên-phi. Nhưng lại sợ gọi cái hình ảnh ghê gớm kia trong óc chúa Tĩnh-đó. Chính bà cũng sẽ cất mảy mảy của ng.rời con gái làng Chè. Chúa Tĩnh-đó vẫn chấp tay đứng mặt cúi gằm, không dám nhìn mẹ. Thái-phi dăm dăm nhìn chúa, bà tự hỏi : « Không biết chúa tỉnh ngộ hay, hối hận ? » Bà đứng dậy, nói dối :

— Sao mẹ hỏi, con không nói? Nếu con không bằng lòng, thì mẹ lại đem con Quỳnh-Hoa giao trả Đặng-Lân.

Thái-phi phất áo định lui vào Chúa quý xuống thưa :

— Lấy mặt thần, xin mẫu thân hãy ở lại, để con theo mẫu thân vào thăm cháu. Mẫu thân đừng giận con. Mẫu mủ sinh ra, có lẽ nào con chẳng xót? Và những nhời mẫu thân dạy toàn là những nhời hay lẽ phải, con đâu dám bỏ qua.

Thái-phi nói :

— Con theo mẹ sang đây. Mẹ đã cho đòi ngự y đến bốc thuốc. Khốn nạn, Khê-trung-hầu không có đó, mẹ vấp-vấp, như thiếu mất một cánh tay. Mà con Quỳnh-Hoa trong lúc mê sảng, thường cứ gọi Khê-trung-hầu chỉ vì...

Bà muốn trách, nhưng không nói hết. Chúa buồn rười rượi, như người Thái giám trung thành, mà chính tay chúa đã đưa vào chỗ chết. Chúa thương người lão bộc trải thờ mấy đời trong phủ chúa, và cảm thấy lắt cả cái vô-ý-nghĩa của mình khi sai Hầu đi hộ-vệ Quỳnh-Hoa. Thiếu bóng Khê-trung-hầu, vương phủ như thêm vắng vẻ. Thái-phi đi vào, chúa bước theo sau.

Giữa lúc ấy có tiếng ầm ầm ngoài phủ, khiến cho Thái-phi và chúa cùng quay lại.

Một tên nội-giám bước lên thềm Chúa hỏi :

Cái gì đó?

Bẩm chúa-thượng, dân chúng kinh thành...

Thái-phi gắt :

— Họ làm gì?

— Tàu thái-phi, họ đứng chặn ngoài phủ đợi xem Chúa thượng xử Nguyễn-Mại.

— Xử Nguyễn-Mại? Nguyễn-Mại, tướng tâm phúc của Việp Quận-công? Hắn có tội gì?

Chúa Tĩnh-Đó kể lại câu chuyện và rút trong tay áo lá sớ của Nguyễn-Mại trao cho Thái-phi. Thái-phi xem xong, mặt vừa lộ vẻ kinh ngạc vừa vui mừng :

— Ý con nghĩ sao?

— Nguyễn-Mại đã trái lệnh con.

— Mẹ thị cho Nguyễn-Mại là một trượng sĩ.

— Không trị tội Nguyễn-Mại thì phép nước không nghiêm.

— Con nói lạ chưa? Nguyễn-Mại, mẹ đã biết. Người ấy đã liều thân vì nước ở cõi sa-trường, người ấy chỉ biết lấy quốc gia làm trọng. Hắn nhà nghèo, mẹ già, vợ thơ, con dại. Như người ta, hắn cứ giữ chữ Hộ-?hánh, yên hưởng phú quý, chả hơn ư? Hắn đã hi-sinh hết cả, trừ hại một đứa rông càn, mẹ tưởng không còn có cái gương trung-nghĩa nào hơn nữa?

— Con cũng biết, mà cũng vì thế nên đã trọng dụng Nguyễn-Mại và đã tha thứ cho nhiều.

— Con lại nên tha thứ cho hắn để nêu gương trung-nghĩa.

— Nhưng hắn là kẻ lộng hành. Hắn đã giết con rồi...

— Con rồ!.. Con nhận rồ, nhưng mẹ không nhận cháu rồ. Huống chi rồ chúa mà loạn phép nước cũng không dung. Nguyễn-Mại làm thế là phải lắm.

Thấy chúa ngẩn-ngờ, Thái-phi rút râu nét mặt, nói thêm :

— Con nên nghĩ đến cơ nghiệp tiên vương, xa kẻ dở, gần người hay. Tổ tông ngày xưa sợ dốt làm nổi đại sự, gây nổi cơ-đồ, chỉ vì biết trọng những bậc trung thần nghĩa sĩ. Con nên theo chí tiên vương. Muốn cho vương nghiệp vững bền, tất phải trọng phép nước. Phép nước đối với kẻ có tội dù là thân thích cũng không dung thứ. Nay Nguyễn-Mại vì ta trọng phép nước, lẽ nào ta lại vì tình riêng mà giết cho đành? Con đã biết Nguyễn-Mại là người trung-nghĩa, thế mà lại định đem làm tội có khác chỉ tự nhờ vậy cánh không? Con nên để cho thiên hạ biết cái nhẽ : « Đại nghĩa diệt thân » thì quốc-gia may mắn, cơ-đồ nhà Trịnh may mắn.

Chúa Tĩnh-Đỗ vẫn là người anh-minh và là người có một tinh-thần gia tộc rất mạnh, hằng ngày chỉ lo khuếch-trương cơ-nghiệp họ Trịnh. nên nghe Thái-phi nói, chúa tĩnh ngộ ngay. Chúa không còn là một gã sĩ tinh nữa, chúa là một vị quốc-trưởng biết lo đêa vương nghiệp và đặt quốc gia lên trên mọi sự.

Chúa xúp lấy Thái-phi và thưa :

— Con ngu muội, nay được mẫu-huân khai phá cho óc u-mé. Con xin theo nhời dạy của mẫu-thần.

Thái-phi và chúa đã sang tới phòng quần-chúa. Trên giường, nàng nằm nỉt có ý chờ đợi, mặt vô vọng, không còn khi sắc nữa.

Thấy chúa, nàng vui vẻ, mặt nàng bừng sáng. Nàng se-se nói :

— Còn chờ mãi phụ-vương.

Nàng trừng trừng nhìn chúa. Tĩnh-Đỗ vương chạy lại, vén màn cái xuống cầm lấy tay con, chúa lạnh toát người; vì tay nàng chỉ như cái giồng tre khô đét. Chúa hỏi :

— Con cha có đỡ không ?

Mặt chúa đầy hồi hận. Quỳnh-Hoa, đôi mắt đại vẫn nhìn cha. Một lúc nàng đã lệ, phều phào nói :

— Tàu phụ vương con không qua khỏi được nữa. Con chết đến nơi rồi. Con chỉ chờ phụ-vương là đi thôi. Con chết đi, phụ vương cũng đừng liếc gì, và phụ vương tha cho con tội bất hiếu..

Tĩnh-Đỗ nhìn con quả nhiên đã thấy phảng phất hình chết. Chúa giữ chặt lấy tay con, như để bảo hộ nàng. Ngài nói :

— Con không được nói nhảm. Con uống thuốc, rồi lại khỏi...

Nàng lắc đầu :

— Tàu phụ-vương, con tự biết lắm. Mệnh con chỉ còn tính từng giờ. Con sắp phải vĩnh biệt cùng quốc-mẫu và phụ-vương. Trước khi nhắm mắt, con xin phụ-vương một điều.

— Con xin gì, cha cũng không tiếc.

— Xin cha trọng dụng chàng Bảo-Kim. Con đã phụ tình chàng, phụ vương hãy vì con mà trả nợ cho con.

Chúa cảm động, nghẹn ngào. Mặt Quỳnh-Hoa đã đại hận, miệng còn lăm-băm :

Bảo-Kim ! Bảo-Kim !

Nàng nhìn Thái-phi, lại nhìn chúa một lần cuối cùng nói liu-liu :

— Lấy quốc-mẫu, lấy phụ vương. Con xin vĩnh-biệt !

Chúa ôm lấy nàng Quỳnh-Hoa đã lịm đi. Trong giây lát, nàng trào lệ thối hơi cuối cùng trong tay chúa. Tĩnh-Đỗ vương như điên như dại, mãi không chịu bỏ con ra, nhìn con qua nước mắt chốc chốc lại thối dài. Đến đây có tiếng dân gian reo hò ngoài phủ. Thái phi gạt nước mắt, bảo chúa :

— Nó xấu số, tiếc cũng vô ích. Con để nó đây cho mẹ, còn con nên ra ngay nhà nghị sự, xử Nguyễn Mai đi, kẻ công chúng mong chờ.

Chúa Tĩnh-Đỗ nói :

— Quỳnh-Hoa vì con mà chết oan hân nó bao giờ liệu tán được ! Con không còn thiết làm gì nữa..

— Nói xong chúa lại trào lệ. Thái phi phải lấy nghĩa nhưn dẫn dụ, chúa mới chịu buông Quỳnh-Hoa đặt nằm, ngay ngắn và vuốt mắt cho nàng. Chúa nhìn con lần gần không chừa đi. Mặt nàng yên tĩnh miệng còn diêm nụ cười hiền hậu.

Lòng thương Quỳnh-Hoa chiếm cả tâm hồn chúa Tĩnh-Đỗ, và đồng thời tất cả lòng chán ghét Đặng Lân cũng nổi dậy. Chúa cảm giận Lân đến nỗi lúc ấy, nếu em Tuyên phi còn sống, chúa cũng chính tay giết chết. Chúa thật thêu tra nhà Nghị sự. Tĩnh vương lên ngồi trên sập. Đèn nền thấp sáng trưng. Mặt chúa uy nghiêm nhưng vẻ buồn nặng trĩu. Các quan văn vũ đứng hầu hai bên. Đao phủ dẫn Nguyễn Mai vào. Chàng mặc áo tội nhân, cổ đeo một thanh kiếm. Trông chàng vẫn một vẻ ngang tàng. Chúa thăm cảm phục. Mai quỳ xuống, hô muốn tuổi và tâu.

— Tàu chúa thương, hạ thần có tội, xin chúa thương cho đem ra chính pháp.

Tĩnh vương phán :

— Sao người dám giết Quốc cữu

— Tàu chúa thương, Mai ung dung đáp, Quốc cữu đi chơi, đem theo cả giường chiếu, bắt con gái hiệp dâm ở giữa đường. Thấy việc dâm ác, loạn kỷ cương, khinh phép nước, hạ thần vì chức vụ đã lập tức chém bêu đầu. Nhưng vì trót phạm đến một vị quốc thích, tự biết là có tội, vậy xin chúa thương giết ngay hạ thần để khỏi hại đến tình riêng trong cung quyến.

Chúa dăm dăm nhìn Nguyễn Mai. Lòng khảng khái, tinh thần vị nghĩa của người thanh niên càng làm tăng mỗi cảm tình coi sẵn của chúa đối với chàng. Chúa trầm ngâm một lúc rồi phán :

— Biết trọng phép nước, nhà người thực đáng khen chẳng những không bắt tội, ta còn trọng thưởng cho. Còn về tình riêng để mặc ta xử trí

Lại quay bảo các quan :

— Nguyễn Mai là một nghĩa sĩ chân chính. Ai cũng có tấm lòng hào hiệp như Mai thì làm chi nước không yên, dân không mạnh ? Các người nên nhớ lấy : ta vì việc công mà tha tội cho Mai, để tỏ cho thiên hạ biết cái lẽ vì nghĩa lớn bỏ tình riêng.

Chúa đứng dậy, truyền lệnh cởi trói cho Nguyễn Mai. Chàng lễ tạ. Tĩnh vương phất áo vào trong, lòng nhẹ như vừa trút được một gánh nặng. Chúa vừa vén rèm thì một người đã quỳ xuống trước mặt, tay ngọc cầm lấy tay chúa, và khóc nức nở. Chúa nhận ra Tuyên phi, chưa kịp nói gì, thì nghe ngoài phủ tiếng reo ầm ầm : « Quan lộ được tha, vương gia muốn tuổi ! Quan lộ được tha, vương gia muốn tuổi » — Tiếng reo vang lừng, mừng mừng như sóng — Tĩnh-Đỗ cố kéo Tuyên phi dậy, nàng đã ngất trong tay Ngài...

(Hết)

NGUYỄN-HUY-TUỞNG

NHỮNG SÁCH CỦA THU-XÃ ALEXANDRE DE RHODES

ĐA XUẤT BẢN

1. — I I-VÂN-KIỀU, tome I (hết)
2. — TIƠ NGŨ-NGŨN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC-KHAO VIỆT-NGŨ

của Lê-văn-Như Giá 0\$50

4. — LE PAYSAN TONKINOIS
à travers le parler populaire
của PHẠM-QUỲNH

80 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh
của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu.

Bản thường 0\$80 — Bản giấy Đại La 5\$00

5. — TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI

của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập
khổ lớn 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 2 màu.

Bản thường 0\$50 — Bản giấy Đại La 5\$00

SẮP XUẤT BẢN

6. — Kim Vân Kiều tome II (trọn bộ)

bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
460 trang khổ 17×23

có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH

Bản thường 3\$00 — Bản giấy Vercé bouffant 8\$50

Tổng phát-hành: Mai-Linh

21 Rue des Pipes — Hanoi.

ĐA CÓ BẢN :

KHẢO LUÂN VỀ KIM VÂN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Nguyên sách đầu tiên nghiên cứu và bình
luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm,
có phụ ca Thanh-hiền thi tập và Bắc-hành
tập lục.

Giá 2\$40

VÂN HÒA

29, Marechal Pétain — Huế

Quyển Từ-diễn chuyên môn đầu tiên
trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

«Độc quốc-văn mà có hiểu những tiếng cổ điển
lì h thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn.
Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-
văn và tra chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho
xuất bản tập « Văn liêu từ-diễn » giảng rõ
những tiếng dùng trong quốc-văn mà cổ điển
cổ, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập
sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn
một phần lớn ».

Trích thư của

Đốc học Nguyễn Quang Vinh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25

Giá bán lẻ có 5\$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm
0\$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi — HANOI

51, Doumer — HAIPHONG



MỚI CÓ BÁN

CẢI TẠO SINH LỰC

Phần thực hành trong bộ

« SỨC KHỎE MỚI

HÀN THUYỀN của P. N. KHUÊ — Giá 3\$50

25 8-43 có bán

XÃ HỘI AI-CẬP

ĐỜI THƯỢNG CỎ

Trong bộ « Lịch sử Thế giới »

của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Giá 2\$50



Ở xa mua 1 cuốn xin gửi tiền trước kèm
0\$40 cước đảm bảo về Ô. Giám-đốc

HÀN - THUYỀN

71, Tiên-Tsui — HANOI

RVLV TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancéaulme, Hanoi